

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN



TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ : Số 136 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08.3829.0198 Fax: 08.3829.0198

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
Chi nhánh : Số 49 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP HCM
Điện thoại : 08.3820.9987 Fax: 08.3820.9993

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08.3821.7713 Fax: 08.3821.7452

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11/2015

MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--|----------|
| I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN | 3 |
| II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT | 5 |
| III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN | 6 |
| 1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa | 6 |
| 2. Tổ chức phát hành | 7 |
| 3. Tổ chức tư vấn | 7 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA | 8 |
| 1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa | 8 |
| 1.1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa | 8 |
| 1.2. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa | 8 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển | 8 |
| 3. Ngành nghề kinh doanh | 9 |
| 3.1. Ngành nghề kinh doanh trước khi cổ phần hóa | 9 |
| 3.2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau khi cổ phần hóa | 11 |
| 4. Sản phẩm dịch vụ chính của Công ty | 13 |
| 5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần | 13 |
| 6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa | 14 |
| 7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp | 16 |
| 7.1 Tình hình tài sản cố định | 16 |
| 7.2 Quỹ đất Công ty đang sử dụng | 16 |
| 8. Danh sách Công ty mẹ /con và các Công ty liên doanh liên kết | 22 |
| 8.1 Công ty mẹ | 22 |
| 8.2 Công ty con: Không có. | 22 |
| 8.3 Công ty liên doanh, liên kết: Không có. | 22 |
| 9. Cơ cấu tổ chức của Công ty | 22 |
| 9.1 Cơ cấu tổ chức Công ty trước khi cổ phần hóa | 22 |
| 9.2 Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi Cổ phần hóa | 23 |
| 9.3 Sơ đồ tổ chức của Công ty dự kiến sau khi Cổ phần hóa | 24 |
| 10. Danh sách Ban lãnh đạo Công ty | 25 |
| 10.1 Danh sách Hội đồng thành viên | 25 |

| | | |
|------------|--|-----------|
| 10.2 | Danh sách Kiểm soát viên | 25 |
| 10.3 | Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng | 25 |
| 11. | Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa | 30 |
| 11.1. | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 30 |
| 11.2. | Nguyên vật liệu | 31 |
| 11.3. | Chỉ tiêu kinh doanh | 32 |
| 11.4. | Chỉ tiêu chi phí | 32 |
| 11.5. | Chỉ tiêu lợi nhuận và chỉ tiêu tài chính | 33 |
| 11.6. | Trình độ công nghệ | 33 |
| 11.7. | Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm | 34 |
| 11.8. | Hoạt động Marketing | 34 |
| 11.9. | Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền | 35 |
| 11.10. | Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới | 35 |
| 11.11. | Một số hợp đồng có giá trị lớn công ty đã ký kết và thực hiện | 36 |
| 11.12. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 40 |
| 11.13. | Một số chỉ tiêu tổng hợp | 40 |
| 11.14. | Các chỉ tiêu tài chính | 41 |
| 12. | Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | 42 |
| 12.1. | Điểm mạnh | 42 |
| 12.2. | Điểm yếu | 42 |
| 12.3. | Cơ hội | 43 |
| 12.4. | Thách thức | 44 |
| 13. | Vị thế trong ngành của Công ty | 44 |
| V. | CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SAU KHI CỔ PHẦN HÓA | 48 |
| 1. | Vốn điều lệ và tỷ lệ cổ phần chào bán cho các cổ đông | 48 |
| 2. | Chiến lược kinh doanh và phát triển sau khi cổ phần hóa | 49 |
| 3. | Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa | 50 |
| 4. | Các giải pháp thực hiện | 51 |
| VI. | MỘT SỐ NHÂN TỐ RỦI RO | 57 |
| 1. | Rủi ro kinh tế | 57 |
| 2. | Rủi ro về luật pháp | 57 |
| 3. | Rủi ro về đặc thù kinh doanh | 57 |
| 4. | Rủi ro của đợt chào bán | 57 |
| 5. | Rủi ro khác | 58 |

| | |
|--|-----------|
| VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN | 59 |
| VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA | 61 |
| IX. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT | 61 |
| X. THAY LỜI KẾT | 62 |

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

| | |
|--|---|
| Số lượng cổ phần bán đấu giá | : 7.210.600 cổ phần. |
| Loại cổ phần chào bán | : Cổ phần phổ thông. |
| Mệnh giá một cổ phần | : 10.000 đồng. |
| Giá khởi điểm | : 10.000 VND. |
| Số lượng cổ phần tối đa được đăng ký mua | : 7.210.600 cổ phần. |
| Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua tối đa | : 7.210.600 cổ phần. |
| Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu | : 100 cổ phần. |
| Vốn điều lệ | : 503.100.000.000 VND. |
| Phương thức đấu giá | : Đấu giá theo mô hình đấu giá hai cấp tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh |
| Đối tượng tham gia | : Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng. |
| Đặt cọc | : 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. |
| Thời gian nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư tại các Đại lý | : Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng. |
| Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá | : Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng. |
| Thời gian tổ chức đấu giá | : Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng. |
| Địa điểm tổ chức đấu giá | : Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh - Số 16 Võ Văn Kiệt, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. |
| Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá tại các Đại lý | : Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng. |
| Thời gian nhận lại tiền cọc theo kết quả đấu giá | : Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng. |

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

| | |
|---------------------------|---|
| Danh sách Đại lý đấu giá | : Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng. |
| Tổ chức phát hành | : Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn. |
| Tổ chức thực hiện đấu giá | : Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh - Số 16 Võ Văn Kiệt, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. |
| Tổ chức tư vấn | : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh: Số 49 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh - Điện thoại: 08 3820 9986 - Fax: 08 3820 9993 Website: www.vietinbanksc.com.vn |
| Tài khoản phong tỏa | : Số 601704060370891 mở tại Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. |

Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành ra bên ngoài:

| STT | Cổ phần | Số lượng cổ phần | Giá trị | Tỷ lệ so với vốn điều lệ |
|-----|--|-------------------|------------------------|--------------------------|
| 1 | Nhà nước | 30.186.000 | 301.860.000.000 | 60,00% |
| 2 | Cổ phần bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên | 5.703.400 | 57.034.000.000 | 11,34% |
| 2.1 | <i>Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế trong KVNN (bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất)</i> | 3.195.750 | 31.957.500.000 | 6,35% |
| 2.2 | <i>Mua ưu đãi theo năm công tác cam kết</i> | 2.507.650 | 25.076.500.000 | 4,98% |
| 3 | Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược | 7.210.000 | 72.100.000.000 | 14,33% |
| 4 | Cổ phần bán đấu giá cho nhà đầu tư khác | 7.210.600 | 72.106.000.000 | 14,33% |
| | Tổng cộng | 50.310.000 | 503.100.000.000 | 100,0% |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

1. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
2. Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
3. Nghị định số 189/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
4. Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% Vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
5. Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
6. Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
7. Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
8. Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
9. Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa;
10. Quyết định số 96/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Vận tải đường sắt Sài Gòn;
11. Quyết định số 08/QĐ-ĐS ngày 30/01/2015 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn;
12. Quyết định số 176/QĐ-ĐS ngày 11/02/2015 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc lựa chọn thời điểm và đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa 24 Công ty TNHH MTV thuộc Tổng Công ty ĐSVN;
13. Quyết định số 199/QĐ-VTSG ngày 10/03/2015 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc của Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn;

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

14. Quyết định 1331/QĐ-ĐS ngày 10/9/2015 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc chấp thuận Phương án sử dụng đất và tài sản để thực hiện cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Vận tải đường sắt Sài Gòn;
15. Quyết định số 3473/QĐ-BGTVT ngày 28/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
16. Biên bản Hội nghị đại biểu Người lao động (bất thường) ngày 17/10/2015 để thông qua Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn và các chế độ chính sách cho người lao động.
17. Quyết định số 3885/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

| | | |
|-----------------|---|--|
| Ban chỉ đạo/BCĐ | : | Ban chỉ đạo cổ phần hóa |
| BCTC | : | Báo cáo tài chính |
| BDCT | : | Biểu đồ chạy tàu |
| BGTVT | : | Bộ Giao thông Vận tải |
| CBCNV | : | Cán bộ công nhân viên |
| CNQSDĐ | : | Chứng nhận quyền sử dụng đất |
| CN | : | Công nhân |
| CNTT | : | Công nghệ thông tin |
| Công ty | : | Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn |
| CPH | : | Cổ phần hóa |
| DN | : | Doanh nghiệp |
| ĐSVN | : | Đường sắt Việt Nam |
| HCM | : | Hồ Chí Minh |
| HĐKD | : | Hoạt động kinh doanh |
| HĐLĐ | : | Hợp đồng lao động |
| HĐTV | : | Hội đồng thành viên |
| HTBVĐT | : | Hệ thống bán vé điện toán |
| MTV | : | Một thành viên |
| NĐ | : | Nghị định |
| SXKD | : | Sản xuất kinh doanh |
| TC | : | Tài chính |
| TNHH | : | Trách nhiệm hữu hạn |
| Tổng Công ty | : | Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam |
| TP | : | Thành phố |
| TSCĐ | : | Tài sản cố định |
| TSLĐ | : | Tài sản lưu động |
| VCQL | : | Viên chức quản lý |
| VTĐS | : | Vận tải đường sắt |

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|---|
| 1 | Ông Trần Ngọc Thành | Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Trưởng ban |
| 2 | Ông Vũ Tá Tùng | Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Phó Trưởng ban Thường trực |
| 3 | Ông Nguyễn Công Tài | Phó Vụ trưởng Vụ quản lý công nghiệp, Bộ Giao thông Vận tải - Phó Trưởng ban |
| 4 | Ông Mai Thành Phương | Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty - Ủy viên |
| 5 | Ông Đoàn Duy Hoạch | Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty - Ủy viên |
| 6 | Ông Đới Sỹ Hưng | Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty - Ủy viên |
| 7 | Bà Lê Thị Nhuận | Kế toán trưởng Tổng Công ty - Ủy viên |
| 8 | Ông Cao Minh Tuân | Trưởng ban TCCB-LĐ, Tổng Công ty - Ủy viên |
| 9 | Bà Đỗ Thanh Hà | Trưởng ban kế hoạch kinh doanh, Tổng Công ty - Ủy viên |
| 10 | Ông Phạm Minh Khôi | Trưởng ban kết cấu hạ tầng đường sắt, Tổng Công ty - Ủy viên |
| 11 | Ông Nguyễn Hữu Tuyên | Trưởng ban Vận tải và Đầu máy toa xe, Tổng Công ty - Ủy viên |
| 12 | Ông Hoàng Đăng Khoa | Trưởng ban kiểm soát nội bộ, Tổng Công ty - Ủy viên |
| 13 | Bà Đỗ Thị Hồng Châu | Phó trưởng ban TCCB-LĐ, Tổng Công ty - Ủy viên |
| 14 | Ông Nguyễn Mạnh Thịnh | Chuyên viên chính Vụ QLDN, Bộ Giao thông Vận tải - Ủy viên |
| 15 | Ông Nguyễn Văn Hùng | Chuyên viên cao cấp Vụ QLDN, Bộ Giao thông Vận tải - Ủy viên |
| 16 | Ông Đoàn Cảnh Hoàng | Chuyên viên chính Vụ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải - Ủy viên |
| 17 | Ông Trần Trọng Ngôn | Chuyên viên chính Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giao thông Vận tải - Ủy viên |
| 18 | Ông Phạm Văn Sơn | Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Ủy viên |

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

2. Tổ chức phát hành

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|--------------------|---|
| 1 | Ông Phạm Văn Sơn | Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn |
| 2 | Ông Kiều Văn Chung | Kiểm soát viên |
| 3 | Ông Cao Văn Mót | Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

3. Tổ chức tư vấn

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|---|
| 1 | Ông Huỳnh Minh Trí | Phó Giám đốc Phụ trách Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam |
| 2 | Bà Nguyễn Xuân Hường | Trưởng phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp |

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn cung cấp.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa

1.1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa

Tên tiếng Việt : Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn
Tên viết tắt : SGRT Co., Ltd
Tên giao dịch quốc tế : Saigon Rainway Transport Company Limited
Địa chỉ : Số 136 Hàm Nghi, P. Bến Thành, Q.1, TP HCM
Điện thoại : 08 38.290.198
Fax : 08 38.225.722
Website : www.saigonrailway.com.vn
Email : Info@saigonrailway.com.vn

1.2. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Tên viết tắt : CÔNG TY VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Tên tiếng Anh : SAIGON RAILWAY TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt tiếng Anh : SARATRANS., JSC
Địa chỉ : Số 136 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 3829 0198
Fax : 08 3822 5722
Website : www.saigonrailway.com.vn
Email : info@saigonrailway.com.vn
Logo : Sẽ xây dựng sau

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn là Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn, được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/ĐS-TCCB ngày 07/7/2002 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn là công ty nhà nước, hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam – Công ty TNHH MTV (Sau đây viết tắt là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam). Công ty được hình thành trên cơ sở tổ chức lại các ga cấp 1, các xí nghiệp vận tải, dịch vụ, đầu máy, toa xe hạch toán phụ thuộc của Xí nghiệp Liên hợp Vận tải đường sắt khu vực 3, Xí nghiệp Liên hợp Vận tải đường sắt khu vực 2 từ tháng 10/2003 và của Công ty TNHH một thành viên Vận tải hàng hoá đường sắt, Liên hiệp Sứ kéo đường sắt chuyển sang từ 01/4/2014.

Đến ngày 17/12/2014, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có Quyết định số 1973/QĐ-ĐS về việc chuyển đổi Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn thành Công ty TNHH Một thành viên Vận tải đường sắt Sài Gòn.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Các cột mốc lịch sử

- Năm 2002 : Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn thành lập trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị đường sắt khu vực phía Nam
- Năm 2015 : Chuyển đổi thành mô hình thành Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

Các thành tích đã đạt được:

| Năm | Hình thức khen thưởng | Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định |
|------|---|--|
| 2002 | Cờ thi đua xuất sắc Bộ GTVT Huân chương Lao động hạng nhì | Quyết định số 32/QĐ-BGTVT ngày 07/01/2003 của Bộ GTVT. Quyết định số 211/QĐ/CTN ngày 22/4/2002 của Chủ tịch nước. |
| 2004 | Cờ dẫn đầu thi đua Tổng công ty ĐSVN | Quyết định số 2031/QĐ-ĐS ngày 31/12/2004 của Tổng công ty ĐSVN. |
| 2005 | Cờ Đơn vị phát triển KHCN khá nhất của Tổng công ty ĐSVN". | Quyết định số 1717/QĐ-ĐS ngày 27/12/2005 của Tổng công ty ĐSVN. |
| 2006 | Cờ thi đua xuất sắc Bộ GTVT | Quyết định số 57/QĐ-BGTVT ngày 11/01/2007 của Bộ GTVT. |
| 2007 | Cờ thi đua xuất sắc Bộ GTVT | Quyết định số 10/QĐ-BGTVT ngày 04/01/2008 của Bộ GTVT. |
| 2008 | Cờ thi đua của Chính phủ | Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 20/01/2009 của Chính phủ. |
| 2009 | Cờ dẫn đầu thi đua Tổng công ty ĐSVN | Quyết định số 1940/QĐ-ĐS ngày 30/12/2009 của Tổng công ty ĐSVN. |
| 2010 | Cờ thi đua xuất sắc Bộ GTVT Huân chương Lao động hạng nhất | Quyết định số 05/QĐ-BGTVT ngày 05/01/2011 của Bộ GTVT. Quyết định số 423/QĐ-CTN ngày 25/3/2011 của Chủ tịch nước. |
| 2011 | Cờ thi đua của Chính phủ | Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06/02/2012 của Chính phủ. |
| 2012 | Cờ thi đua xuất sắc Bộ GTVT | Quyết định số 3391/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ GTVT. |
| 2013 | Cờ thi đua của Chính phủ | Quyết định số 2626/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Chính phủ |
| 2014 | Cờ thi đua xuất sắc Bộ GTVT | Quyết định số 4986/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2014 của Bộ GTVT. |

3. Ngành nghề kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh trước khi cổ phần hóa

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0301120371, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/07/2002 (Đăng ký kinh doanh gốc số 315607), thay đổi lần 04 ngày 22/01/2015, Công ty kinh doanh các ngành nghề sau đây:

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Tên ngành nghề | Mã số |
|------------|---|--------------|
| 1 | Vận tải hành khách đường sắt. Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường sắt; | 4911 |
| 2 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế; Đại lý vận tải đường bộ, đường thủy, đường hàng không; | 5229 |
| 3 | Vận tải hàng hóa đường sắt. Chi tiết: Đại lý vận tải đường sắt; | 4912 |
| 4 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ; Các dịch vụ liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng đường sắt; | 5221 |
| 5 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Dịch vụ vận tải đường thủy; | 5222 |
| 6 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo, đóng mới các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí; Sản xuất, chế tạo phụ tùng, cấu kiện các loại, container và gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở); | 2599 |
| 7 | Vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế; Đại lý vận tải đường bộ, đường thủy, đường hàng không; | 5229 |
| 8 | Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ; Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); | 3312 |
| 9 | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị vận tải (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); | 3315 |
| 10 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, bãi hàng, bãi đỗ xe, các cơ sở hạ tầng phục vụ văn hóa thể thao; | 7730 |
| 11 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Xếp, dỡ, giao nhận hàng hóa; Lưu kho, bảo quản hàng hóa; | 5210 |
| 12 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu, mỡ bôi trơn (trừ dầu nhớt cặn); | 4661 |
| 13 | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: Đại lý bảo hiểm các loại; | 6622 |
| 14 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); | 4520 |
| 15 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; | 4530 |
| 16 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị chuyên dùng ngành đường sắt; | 4669 |
| 17 | Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở); | 4632 |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Tên ngành nghề | Mã số |
|-----|---|-------|
| 18 | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở); | 1079 |
| 19 | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm; | 4722 |
| 20 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn; nhà khách, nhà nghỉ dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại TP HCM); | 5510 |
| 21 | Dịch vụ ăn uống. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ); | 5629 |
| 22 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; | 5610 |
| 23 | Cung cấp các dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và các dịch vụ ăn uống khác; | 5621 |
| 24 | Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); | 7310 |
| 25 | Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động thể thao; | 9311 |
| 26 | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động vui chơi giải trí (trừ kinh doanh vũ trường); | 9329 |
| 27 | Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ viễn thông; | 6190 |
| 28 | Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch; | 7911 |
| 29 | Bán buôn đồ dung khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng tiêu dùng (trừ dược phẩm). | 4649 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

3.2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau khi cổ phần hóa

| STT | Nội dung ngành nghề kinh doanh | Mã số |
|-----|---|-------|
| 1 | Vận tải hành khách đường sắt | 4911 |
| 2 | Vận tải hàng hóa đường sắt | 4912 |
| 3 | Vận tải bằng xe buýt | 4920 |
| 4 | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | 4931 |
| 5 | Vận tải hành khách đường bộ khác | 4932 |
| 6 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 7 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. | 5012 |
| 8 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |
| 9 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ | 5221 |
| 10 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 5222 |
| 11 | Bốc xếp hàng hóa | 5224 |
| 12 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. | 5229 |
| 13 | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe | 3020 |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Nội dung ngành nghề kinh doanh | Mã số |
|------------|--|--------------|
| 14 | Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu | 3099 |
| 15 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. | 2599 |
| 16 | Sửa chữa máy móc, thiết bị. | 3312 |
| 17 | Sửa chữa thiết bị điện. | 3314 |
| 18 | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). | 3315 |
| 19 | Sửa chữa thiết bị khác | 3319 |
| 20 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320 |
| 21 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác | 4520 |
| 22 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4530 |
| 23 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 24 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | 4669 |
| 25 | Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở) | 4632 |
| 26 | Bán buôn đồ dung khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng tiêu dùng (trừ thực phẩm) | 4649 |
| 27 | Cho thuê xe có động cơ | 7710 |
| 28 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác | 7730 |
| 29 | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. | 6622 |
| 30 | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 1079 |
| 31 | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722 |
| 32 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 33 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động | 5610 |
| 34 | Cung cấp các dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...) | 5621 |
| 35 | Dịch vụ ăn uống khác | 5629 |
| 36 | Hoạt động viễn thông khác | 6190 |
| 37 | Quảng cáo | 7310 |
| 38 | Hoạt động thiết kế chuyên dụng | 7410 |
| 39 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan | 7110 |
| 40 | Đại lý du lịch | 7911 |
| 41 | Điều hành tua du lịch | 7912 |
| 42 | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7920 |
| 43 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | 8299 |
| 44 | Hoạt động của các cơ sở thể thao | 9311 |
| 45 | Hoạt động thể thao khác | 9319 |
| 46 | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu | 9329 |
| 47 | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) | 9610 |
| 48 | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu | 9631 |
| 49 | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ | 9633 |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Nội dung ngành nghề kinh doanh | Mã số |
|-----|---|-------|
| 50 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

4. Sản phẩm dịch vụ chính của Công ty

- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hành khách đường sắt;
- Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tại thời điểm Công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 28/9/2015), tổng số lao động của công ty là 3.877 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 1: Cơ cấu lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|---|--------------|
| I | Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp | 3.877 |
| 1 | Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động | 11 |
| 2 | Lao động làm việc theo HĐLĐ | 3.865 |
| | <i>a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn</i> | 3.208 |
| | <i>b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng</i> | 564 |
| | <i>c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng</i> | 93 |
| 3 | Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động | 1 |
| II | Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần | 2.508 |
| 1 | Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn | 2.504 |
| 2 | Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội | - |
| | <i>a) Ốm đau</i> | - |
| | <i>b) Thai sản</i> | - |
| | <i>c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</i> | - |
| 3 | Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động | 4 |
| | <i>a) Nghĩa vụ quân sự</i> | 3 |
| | <i>b) Nghĩa vụ công dân khác</i> | - |
| | <i>c) Bị tạm giam, tạm giữ</i> | - |
| | <i>d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng), ốm đau</i> | 1 |
| III | Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị DN | 153 |
| 1 | Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành | 2 |
| 2 | Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động | 25 |
| | <i>a) Hết hạn hợp đồng lao động</i> | 6 |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Nội dung | Tổng số |
|-----------|--|--------------|
| | b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động | 18 |
| | c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do sức khỏe không bảo đảm | 1 |
| 3 | Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (giải quyết theo ND 63/2015) | 126 |
| | a) Đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi | 57 |
| | b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm | 69 |
| IV | Số lao động thuộc 02 XN Đầu máy chuyển về Tổng công ty ĐSVN | 1.216 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

Tất cả người lao động của công ty đều được ký hợp đồng lao động và đóng Bảo hiểm xã hội theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Căn cứ xác định giá trị doanh nghiệp:

- Quyết định số 3473/QĐ-BGTVT ngày 28/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm ngày 31/03/2015 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA thực hiện.

Giá trị Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2015 như sau:

| Chỉ tiêu | Giá trị (VND) |
|--|-------------------|
| Giá trị thực tế của Doanh nghiệp cổ phần hóa | 1.509.013.251.024 |
| Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp | 503.072.721.377 |

Giá trị quyền sử dụng đất: Công ty chọn hình thức thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính giá trị Quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.

Tóm tắt kết quả xác định giá trị:

Bảng 2: Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2015

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Số liệu sổ sách kế toán ¹ | Số liệu xác định lại | Chênh lệch |
|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4=3-2) |
| A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV) | 1.274.367.103.657 | 1.509.013.251.024 | 234.646.147.367 |
| I. TSCĐ và Đầu tư dài hạn | 146.363.172.358 | 380.551.158.196 | 234.187.985.838 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 124.803.158.219 | 354.683.307.309 | 229.880.149.090 |

¹ Số liệu sổ sách kế toán là số liệu sau khi loại trừ Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng và Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| Chỉ tiêu | Số liệu sổ sách kế toán ¹ | Số liệu xác định lại | Chênh lệch |
|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4=3-2) |
| a. Tài sản cố định hữu hình | 124.428.198.722 | 354.308.347.812 | 229.880.149.090 |
| - Nguyên giá | 1.456.499.939.161 | 1.505.889.312.498 | 49.389.373.337 |
| - Khấu hao lũy kế | -1.332.071.740.439 | -1.151.580.964.686 | 180.490.775.753 |
| b. Tài sản cố định vô hình | 374.959.497 | 374.959.497 | - |
| - Nguyên giá | 2.372.025.000 | 2.372.025.000 | - |
| - Khấu hao lũy kế | -1.997.065.503 | -1.997.065.503 | - |
| 2. Các khoản phải thu khác | 120.000.000 | 120.000.000 | - |
| 3. Chi phí XDCB dở dang | 17.466.754.418 | 17.466.754.418 | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 3.973.259.721 | 8.281.096.469 | 4.307.836.748 |
| II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn | 1.128.003.931.299 | 1.128.003.937.311 | 6.012 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 98.270.968.401 | 98.270.974.413 | 6.012 |
| a. Tiền mặt tồn quỹ | 4.829.634.788 | 4.829.640.800 | 6.012 |
| b. Tiền gửi Ngân hàng | 93.441.333.613 | 93.441.333.613 | - |
| 2. Các khoản phải thu | 949.394.560.627 | 949.394.560.627 | - |
| 3. Hàng tồn kho | 78.226.417.341 | 78.226.417.341 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 2.111.984.930 | 2.111.984.930 | - |
| III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN | - | 458.155.517 | 458.155.517 |
| B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG | - | - | - |
| C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ | 132.276.454 | 132.276.454 | - |
| D. TÀI SẢN CHỜ BÀN GIAO | 13.661.489.593 | 13.661.489.593 | - |
| TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A + B + C + D) | 1.288.160.869.704 | 1.522.807.017.071 | 234.646.147.367 |
| TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (A) | 1.274.367.103.657 | 1.509.013.251.024 | 234.646.147.367 |
| E. Nợ thực tế phải trả | 1.005.940.529.647 | 1.005.940.529.647 | - |
| TỔNG GIÁ TRỊ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A - E) | 268.426.574.010 | 503.072.721.377 | 234.646.147.367 |

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn đã được phê duyệt theo Quyết định số 3473/QĐ-BGTVT ngày 28/09/2015

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

7.1 Tình hình tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/03/2015 như sau:

Bảng 3: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/03/2015

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Tài sản | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
|-----------|---|--------------------------|------------------------|
| A. | Tài sản cố định đang dùng (= I+II+III) | 1.529.789.983.551 | 372.150.061.728 |
| I. | Tài sản cố định hữu hình | 1.509.951.204.133 | 354.308.347.813 |
| 1. | Nhà cửa, vật kiến trúc | 73.481.041.427 | 23.670.079.897 |
| 2. | Máy móc, thiết bị | 38.824.603.486 | 19.216.641.404 |
| 3. | Phương tiện vận tải | 1.384.997.423.975 | 306.639.521.888 |
| 4. | Thiết bị quản lý | 12.648.135.245 | 4.782.104.624 |
| II. | Tài sản cố định vô hình | 2.372.025.000 | 374.959.497 |
| III. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 17.466.754.418 | 17.466.754.418 |
| B. | Tài sản cố định chờ thanh lý | 37.757.897.083 | 132.276.454 |
| C. | Tài sản chờ bàn giao | 38.938.963.625 | 13.661.489.593 |
| | TỔNG | 1.606.486.844.259 | 385.943.827.775 |

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn đã được phê duyệt theo Quyết định số 3473/QĐ-BGTVT ngày 28/09/2015

7.2 Quỹ đất Công ty đang sử dụng

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-ĐS ngày 10/09/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam quyết định chấp thuận phương án sử dụng đất và tài sản để thực hiện CPH, Công ty còn 16 lô đất quản lý, sử dụng phục vụ sản xuất kinh doanh với tổng diện tích là 40.341 m². Công ty lập Phương án sử dụng đất như sau:

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Bảng 4 : Tình hình sử dụng quỹ đất của Công ty

| STT | Tên, địa chỉ lô đất | Diện tích đất (m ²) | Hình thức sử dụng đất hiện nay | Hồ sơ pháp lý | Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần |
|-----------|---|---------------------------------|--------------------------------|---|---|
| I | Tại Lâm Đồng | 24.159 | | | |
| 1 | Nhà công vụ Công ty TNHH MTV VTĐS Sài Gòn Số 01 đường Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng (bao gồm 09 biệt thự của các đơn vị) | 24.159 | Thuê đất trả tiền hàng năm | Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00359 ngày 2/10/2008 tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số C70-TV-C (23) | Thuê đất trả tiền hàng năm |
| II | Tại Bình Dương | 943 | | | |
| 1 | Nhà lưu trú CB-CNV của Chi nhánh vận tải ĐS Sóng Thần Số 27/31 đường An Bình, KP. Bình Đường 2, P.An Bình, H. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương | 105 | Chưa đóng tiền thuê đất | Trước đây khu đất này do Công ty Vận tải hàng hóa đường sắt-Xí nghiệp cơ khí xếp dỡ đường sắt Sài Gòn quản lý theo hiện trạng và dùng làm nhà lưu trú cho CBCNV của Xí nghiệp. | Ký hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm |
| 2 | Nhà lưu trú 234 Số 234 đường số 2, P.An Bình, H.Dĩ An, Tỉnh Bình Dương | 838 | Chưa đóng tiền thuê đất | Trước đây khu đất này do Công ty Vận tải hàng hóa đường sắt-Xí nghiệp Vận dụng toa xe hàng Sài Gòn quản lý theo hiện trạng. Đơn vị đã thực hiện đo vẽ hiện trạng và xin cấp chủ quyền. Hồ sơ đã được thông qua Phòng Tài nguyên môi trường Huyện Dĩ An từ năm 2006 nhưng cho đến nay chưa được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. | Ký hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Tên, địa chỉ lô đất | Diện tích đất (m²) | Hình thức sử dụng đất hiện nay | Hồ sơ pháp lý | Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần |
|------------|---|--------------------------------------|---------------------------------------|---|---|
| III | Tại Đà Nẵng | 9.014 | | | |
| 1 | Trụ sở Chi nhánh VTĐS Đà Nẵng Số 200A đường Hải Phòng, P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng | 1.633 | Thuê đất trả tiền hàng năm | Giấy CNĐKQSDĐ số T01343; Quyết định số 5641/QĐ-UBND ngày 4/8/2015 của UBND TP Đà Nẵng về việc điều chỉnh tên đơn vị thuê đất và điều chỉnh diện tích đất thuê theo Quyết định 18024/QĐ-UB ngày 6/8/2003 của UBND TP Đà Nẵng. Thời hạn thuê đất tại khu đất này hết hạn vào ngày 2/1/2019 | Thuê đất trả tiền hàng năm/ Gia hạn thời gian sử dụng |
| 2 | Khách sạn FaiFo - Đà Nẵng Số 200 đường Hải Phòng, P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng | 5.656 | Thuê đất trả tiền hàng năm | Giấy CNĐKQSDĐ số T01343 ; Quyết định số 5642/QĐ-UBND ngày 4/8/2015 của UBND TP Đà Nẵng về việc điều chỉnh tên đơn vị thuê đất theo Quyết định 18031/QĐ-UB ngày 6/8/2013 của UBND TP Đà Nẵng. Thời hạn thuê đất tại khu đất này hết hạn vào ngày 6/8/2018. | Thuê đất trả tiền hàng năm/ Gia hạn thời gian sử dụng |
| 3 | Trạm rửa xe của Chi nhánh VTĐS Đà Nẵng Số 182 đường Ông Ích Khiêm, P.Tam Thuận, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng | 284 | Thuê đất trả tiền hàng năm | Đã có Quyết định thu hồi đất của UBND TP Đà Nẵng 323/QĐ-UBND ngày 16/9/2010. | Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm cho đến khi giải tỏa mặt bằng |
| 4 | Nhà lưu trú Hải Phố Số 83 đường Trần Cao Vân, P.Tam Thuận, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng; | 691 | Thuê đất trả tiền hàng năm | Trước đây Công ty VTSG đóng tiền thuê đất qua văn phòng đại diện của Tổng công ty ĐSVN | Xin tách thửa và trả tiền thuê đất hàng năm |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Tên, địa chỉ lô đất | Diện tích đất (m²) | Hình thức sử dụng đất hiện nay | Hồ sơ pháp lý | Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần |
|------------|--|--------------------------------------|---------------------------------------|--|--|
| 5 | Trụ sở Xí nghiệp Vận tải đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) Số 204/24 đường Hải Phòng, P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng. | 750 | Thuê đất trả tiền hàng năm | Đã có Quyết định về việc gia hạn thời gian thuê đất số 14/QĐ-UBND ngày 2/1/2014 của UBND TP Đà Nẵng, Thời hạn thuê đất tại khu đất này hết hạn vào ngày 2/1/2019. | Thuê đất trả tiền hàng năm/ Gia hạn thời gian sử dụng |
| IV | Tại Hà Nội | 388 | | | |
| 1 | Khu đất Trụ sở làm việc của Chi nhánh vận tải ĐS Miền Bắc Số 124 đường Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | 131 | Thuê đất trả tiền hàng năm | Quản lý theo hiện trạng do Công ty TNHH MTV vận tải hàng hóa đường sắt chuyển sang khi sáp nhập các đơn vị trong ngành. Hiện nay đang sử dụng làm trụ sở của Chi nhánh vận tải đường sắt Miền Bắc và dùng làm nhà lưu trú cho CBCNV của Công ty | Xin tách thửa và trả tiền thuê đất hàng năm |
| 2 | Khu đất làm Trạm lưu trú Hải Vân Bắc Số 126 đường Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | 257 | Thuê đất trả tiền hàng năm | Được Tổng công ty ĐSVN phê duyệt phương án giao nhà, đất theo Quyết định số 1730/QĐ-ĐS ngày 29/11/2013. Hiện nay Công ty VTSG đang sử dụng làm nhà lưu trú cho CBCNV công tác trên các đoàn tàu Bắc-Nam. | Xin tách thửa và trả tiền thuê đất hàng năm |
| V | Tại Thành phố Hồ Chí Minh | 5.837 | | | |
| 1 | Khu đất 3.000 m² thuộc Trụ sở Xí nghiệp ĐM Sài Gòn Số 540/21 đường Cách Mạng Tháng Tám, P.11, Q.3, TP Hồ Chí Minh | 3.000 | Chưa đóng tiền thuê đất | Đây là khu đất do thành phố thu hồi 10.000m ² và giao đất để thực hiện tái định cư theo văn bản 2162/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. | Thuê đất trả tiền hàng năm |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Tên, địa chỉ lô đất | Diện tích đất (m ²) | Hình thức sử dụng đất hiện nay | Hồ sơ pháp lý | Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần |
|-----|--|---------------------------------|--------------------------------|--|---|
| | | | | <p>Tổng công ty ĐSVN đã có Văn bản 2534/ĐS-KHKD ngày 03/9/2015 chuyển giao khu đất này cho Công ty VTSG để thực hiện dự án làm trụ sở văn phòng.</p> <p>Hiện nay hồ sơ đề nghị cấp giấy CNĐKQSDĐ đang được Sở TN & MT thụ lý (<i>biên nhận hồ sơ số 15050101/BNHS-TCTLN ngày 25/5/2015</i>).</p> | |
| 2 | <p>Khu đất làm Nhà để xe khu Trung Hiếu Số 462/12 cư xá Trung Hiếu, đường Cách Mạng Tháng Tám, P.11, Q.3, TP Hồ Chí Minh;</p> | 61 | Chưa đóng tiền thuê đất | <p>Công ty VTSG quản lý khu đất, nhà theo hiện trạng và không có hồ sơ pháp lý.</p> <p>Đề nghị UBND TP HCM cho phép được tiếp tục sử dụng</p> | Thuê đất trả tiền hàng năm |
| 3 | <p>Khu đất làm Kho của Chi nhánh Vận tải ĐS Sài Gòn Số 590/30 đường Cách Mạng Tháng Tám, P.11, Q.3, TP Hồ Chí Minh</p> | 191 | Chưa đóng tiền thuê đất | <p>Công ty VTSG quản lý khu đất, nhà theo hiện trạng và không có hồ sơ pháp lý.</p> <p>Đề nghị UBND thành phố HCM cho phép được tiếp tục sử dụng</p> | Thuê đất trả tiền hàng năm |
| 4 | <p>Khu đất làm Nhà xưởng của Chi nhánh Vận tải ĐS Sóng Thần Số 831 đường Trường Chinh, P. Tây Thạch, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh</p> | 2.436 | Thuê đất trả tiền hàng năm | <p>Do Xí nghiệp Cơ khí xếp dỡ đường sắt Sài Gòn đứng tên hợp đồng thuê đất số 7182/HĐTĐ ngày 24/6/2002 và Giấy CNĐKQSDĐ số T175127. Hiện nay, Xí nghiệp đã được chuyển nguyên trạng về Công ty VTSG.</p> | Thuê đất trả tiền hàng năm |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Tên, địa chỉ lô đất | Diện tích đất (m²) | Hình thức sử dụng đất hiện nay | Hồ sơ pháp lý | Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần |
|------------------|--|--------------------------------------|---------------------------------------|---|--|
| | | | | Bộ Tài chính đã có văn bản số 3893/BTC-QLCS ngày 23/3/2012 về phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất của Tổng Công ty ĐSVN trên địa bàn TP HCM cho khu đất này | |
| 5 | Khu đất làm Phòng họp giao ban tổ tàu của Đoàn Tiếp Viên Phương Nam Số 86 đường Nguyễn Thông, P.9, Q.3, TP Hồ Chí Minh | 113 | Thuê đất trả tiền hàng năm | Hợp đồng thuê đất số 12049/HĐ-GTĐ ngày 25/8/1999 của Sở địa chính-Nhà đất | Thuê đất trả tiền hàng năm |
| 6 | Khu đất làm Kho chứa lương thực thực phẩm phục vụ hành khách đi tàu của Đoàn tiếp viên Phương Nam Số 76 đường Nguyễn Phúc Nguyên, P.9, Q.3, TP Hồ Chí Minh | 36 | Chưa đóng tiền thuê đất | Công ty VTSG quản lý khu đất, nhà theo hiện trạng và không có hồ sơ pháp lý. Đề nghị UBND TP HCM cho phép được tiếp tục sử dụng | Thuê đất trả tiền hàng năm |
| Tổng cộng | | 40.341 | | | |

Nguồn: Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo Quyết định số 3885/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

8. Danh sách Công ty mẹ /con và các Công ty liên doanh liên kết

8.1 Công ty mẹ

Công ty có công ty mẹ là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Tên chủ sở hữu : **Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam**

Địa chỉ : Số 118 Đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại : 04. 3942 5972 Fax: 04. 3942 2866

Email : dsvn@vr.com.vn

Website : www.vr.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính:

Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế; Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; Điều hành giao thông vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không; Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.

8.2 Công ty con: Không có.

8.3 Công ty liên doanh, liên kết: Không có.

9. Cơ cấu tổ chức của Công ty

9.1 Cơ cấu tổ chức Công ty trước khi cổ phần hóa

Công ty có trụ sở và các chi nhánh sau đây:

- **Trụ sở chính**

CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ : Số 136 Đường Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại : 08. 3829 0198

Fax : 08. 3822 5722

- **Các chi nhánh**

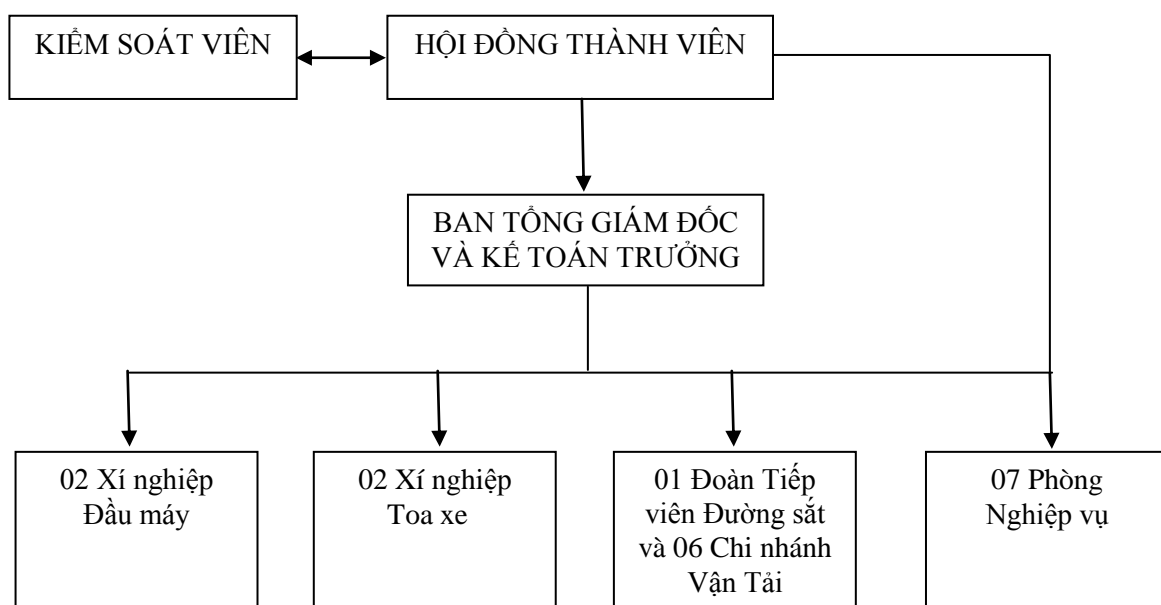
| STT | Tên chi nhánh |
|-----|--|
| 1 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn – Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn, Số 540/21 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, TP Hồ Chí Minh |
| 2 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn – Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng, Số 93 Trần Cao Vân, Phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng |
| 3 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn – Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn, Số 540/45 Cách mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, TP Hồ Chí Minh |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Tên chi nhánh |
|-----|---|
| 4 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn – Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng, Số 236 Hải Phòng, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng |
| 5 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn – Đoàn Tiếp viên đường sắt Phương Nam, Số 01A Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP Hồ Chí Minh |
| 6 | Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn – Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn, Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP Hồ Chí Minh |
| 7 | Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sóng Thần – Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn, Số 831 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh |
| 8 | Chi nhánh Vận tải Đường sắt Bình Thuận – Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn, Số 01 Lê Duẩn, Xã Phong Nẫm, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận |
| 9 | Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang – Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn, Số 17 Thái Nguyên, Phường Phước Tân, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa |
| 10 | Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng – Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn, Số 200A Hải Phòng, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng |
| 11 | Chi nhánh Vận tải Đường sắt Miền Bắc – Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn, Số 124 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội |

9.2 Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi Cổ phần hóa

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa

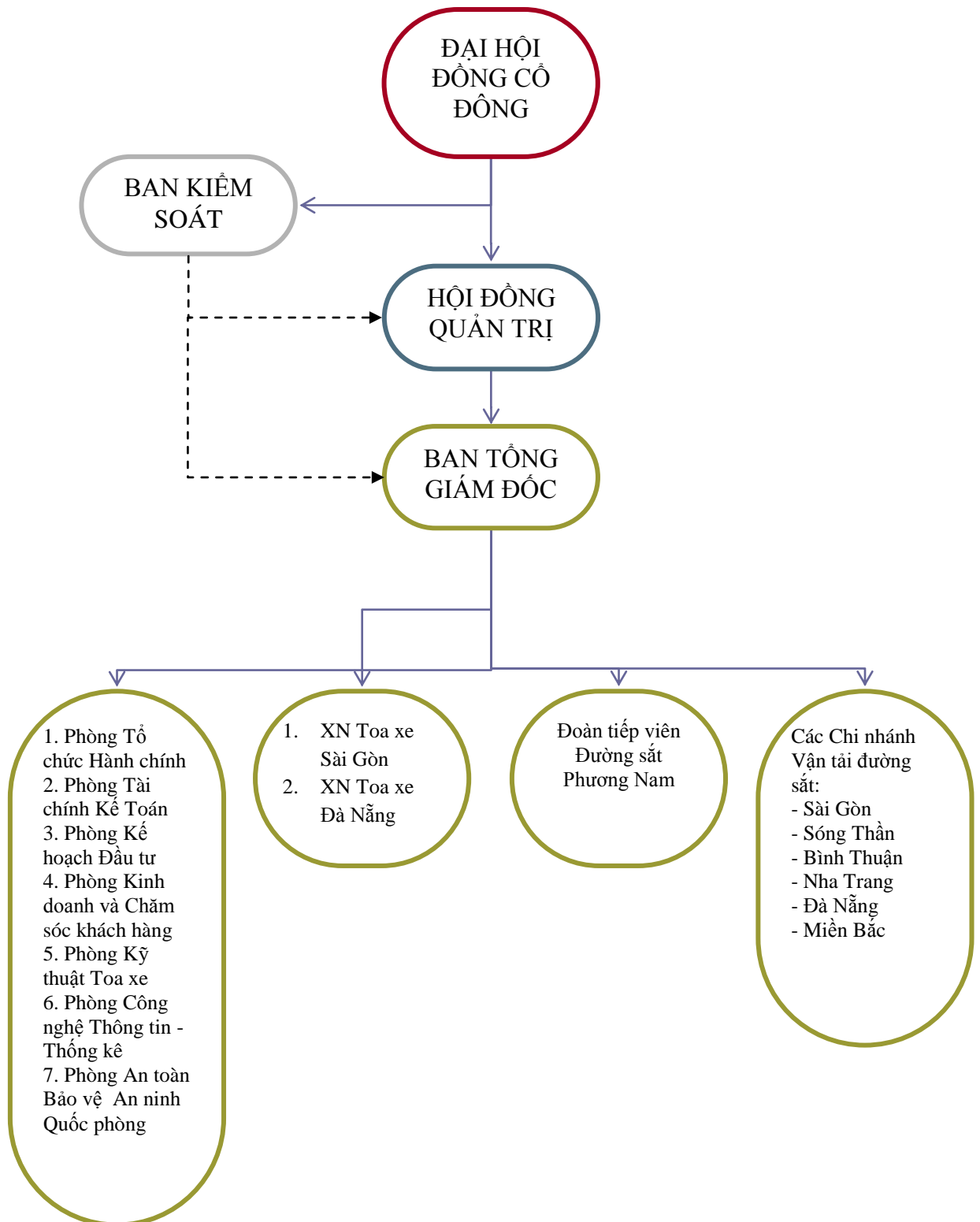


Nguồn: Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

9.3 Sơ đồ tổ chức của Công ty dự kiến sau khi Cổ phần hóa

Sơ đồ 2: Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty sau Cổ phần hóa



Nguồn: Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

10. Danh sách Ban lãnh đạo Công ty

10.1 Danh sách Hội đồng thành viên

1. Ông Phạm Văn Sơn Chủ tịch Hội đồng thành viên
2. Ông Nguyễn Hồng Hải Thành viên Hội đồng thành viên
3. Ông Nguyễn Văn Khiên Thành viên Hội đồng thành viên
4. Ông Nguyễn Đức Nhân Thành viên Hội đồng thành viên
5. Ông Đào Anh Tuấn Thành viên Hội đồng thành viên

10.2 Danh sách Kiểm soát viên

1. Ông Kiều Văn Chung Kiểm soát viên

10.3 Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Ông Phạm Văn Sơn Tổng Giám đốc
2. Ông Đinh Văn Sang Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Phạm Ngọc Đăng Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Vương Phú Đức Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Nguyễn Hồng Hải Phó Tổng Giám đốc
6. Ông Nguyễn Văn Khiên Phó Tổng Giám đốc
7. Ông Đỗ Đình Dược Phó Tổng Giám đốc
8. Ông Cao Văn Mót Kế toán trưởng

Chi tiết về sơ yếu lý lịch Ban Lãnh đạo của Công ty cụ thể như sau:

a) Ông PHẠM VĂN SƠN

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Vận tải sắt
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ tháng 6/1983 đến tháng 10/1984: Trục ban chạy tàu Ga Bình Triệu, Công ty Vận tải đường sắt 5
 - Từ tháng 11/1984 đến tháng 3/1991: Điều độ chạy tàu, Phòng Điều hành Vận tải Công ty Vận tải đường sắt 5
 - Từ tháng 4/1991 đến tháng 4/1996: Chuyên viên kế hoạch – Hạt Vận chuyển đường sắt Sài Gòn - Xí nghiệp Liên hợp Vận tải đường sắt khu vực 3
 - Từ tháng 5/1996 đến tháng 4/2003: Hạt phó – Hạt Vận chuyển đường sắt Sài Gòn - Xí nghiệp Liên hợp Vận tải đường sắt khu vực 3
 - Từ tháng 5/2003 đến tháng 8/2003: Hạt trưởng, Hạt Vận chuyển đường sắt Sài Gòn - Xí nghiệp Liên hợp Vận tải đường sắt khu vực 3
 - Từ tháng 9/2003 đến tháng 8/2006: Giám đốc Xí nghiệp Vận tải đường sắt Sài Gòn - Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn
 - Từ tháng 9/2006 đến tháng 5/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- Từ tháng 5/2014 đến tháng 6/2014: Phó Tổng giám đốc phụ trách Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn
- Từ tháng 7/2014 đến tháng 12/2014: Tổng Giám đốc Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn
- Từ tháng 01/2015 đến nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn.

b) Ông NGUYỄN HỒNG HẢI

Chức vụ : Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải đường sắt
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ tháng 01/1983 đến tháng 8/1985 : Trục ban chạy tàu, điếm xa, công tác lao động tiền lương -Ga Vật Cách,
 - Từ tháng 9/1985 đến tháng 4/1994 : Chuyên viên Phòng TC-KT Công ty phục vụ đường sắt Hà Nội.
 - Từ tháng 5/1994 đến tháng 5/1997 : Phó Trưởng phòng TC-KT Công ty phục vụ đường sắt Hà Nội.
 - Từ tháng 6/1997 đến tháng 12/1998: Quyền Trưởng phòng TC-KH Công ty dịch vụ du lịch đường sắt Hà Nội.
 - Từ tháng 01/1999 đến tháng 02/1999 : Trưởng phòng TC-KH Công ty dịch vụ du lịch đường sắt Hà Nội.
 - Từ tháng 03/1999 đến tháng 8/2003 : Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng TC-KT Công ty Dịch vụ du lịch đường sắt Hà Nội.
 - Từ tháng 9/2003 đến tháng 12/2011 : Trưởng phòng TC-KT Công ty Vận tải hàng hóa đường sắt.
 - Từ tháng 01/2012 đến tháng 3/2014 : Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Vận tải hàng hóa đường sắt.
 - Từ tháng 04/2014 đến 12/2014 : Phó Trưởng ban Tài chính kế toán Tổng công ty ĐSVN.
 - Từ tháng 01/2015 đến nay : Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn.

c) Ông NGUYỄN VĂN KHIÊN

Chức vụ : Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đầu máy Diesel.
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ tháng 11/1989 đến tháng 11/1991: Kỹ sư, Xí nghiệp tàu thuyền Nam Hà.
 - Từ tháng 11/1991 đến tháng 11/2003: Kỹ sư, Xí nghiệp Đầu máy Hà Lào.
 - Từ tháng 11/2003 đến tháng 9/2008: Kỹ sư, Ban Đầu máy - Toa xe Tổng công ty ĐSVN.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- Từ tháng 10/2008 đến tháng 6/2012: Trưởng phòng Kỹ thuật, Liên hiệp sức kéo đường sắt.
- Từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2014: Phó Tổng giám đốc Liên hiệp sức kéo đường sắt.
- Từ tháng 4/2014 đến tháng 12/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn
- Từ tháng 01/2015 đến nay: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn.

d) Ông NGUYỄN ĐỨC NHÂN

Chức vụ : Thành viên Hội đồng thành viên.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Vận tải sắt.
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ tháng 11/1981 đến tháng 10/1982: Công nhân quốc phòng Z153, Tổng cục kỹ thuật, Bộ Quốc phòng.
 - Từ tháng 11/1982 đến tháng 8/1984: Công nhân Công ty Công trình 6, Tổng cục Đường sắt.
 - Từ tháng 9/1984 đến tháng 2/1992: Học sinh Trường Đại học đường sắt Maxcova, Liên Xô.
 - Từ tháng 3/1992 đến tháng 3/1995: Trục ban chạy tàu Ga Đông Anh, Hạt vận chuyên Hà Thái, Tổng cục Đường sắt.
 - Từ tháng 4/1995 đến tháng 01/1996: Giám sát viên Hạt vận chuyên Hà Thái, Tổng cục Đường sắt.
 - Từ tháng 02/1996 đến tháng 12/1996: Trưởng ga Hà Đông, Hạt vận chuyên Hà Thái, Tổng cục Đường sắt.
 - Từ tháng 01/1997 đến tháng 4/2000: Trưởng ga Đông Anh, Hạt vận chuyên Hà Thái, Tổng cục Đường sắt.
 - Từ tháng 5/2000 đến tháng 8/2003: Hạt phó Hạt vận chuyên Hà Thái, Tổng cục Đường sắt.
 - Từ tháng 9/2003 đến tháng 10/2004: Phó Trưởng ga Hà Nội, XNLH I, Tổng công ty ĐSVN.
 - Từ tháng 11/2004 đến tháng 12/2008: Phó Trưởng ban Kế hoạch, Tổng công ty ĐSVN.
 - Từ tháng 01/2009 đến tháng 6/2014: Trưởng ban Kế hoạch, Tổng công ty ĐSVN
 - Từ tháng 7/2014 đến 12/2014: Phó Văn phòng Đảng ủy, Tổng công ty ĐSVN.
 - Từ tháng 01/2015 đến nay: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

e) Ông ĐÀO ANH TUẤN

Chức vụ : Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Đoàn Tiếp viên đường sắt Phương Nam.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh GTVT.
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ tháng 10/1994 đến tháng 3/1997: Trục ban chạy tàu, cán sự Ga Sóng Thần.
 - Từ tháng 4/1997 đến tháng 11/2006: Chuyên viên Phòng TCCB-LĐ Công ty VTHKĐS Sài Gòn.
 - Từ tháng 12/2006 đến tháng 12/2009: Phó Giám đốc Xí nghiệp Vận tải đường sắt Sài Gòn.
 - Từ tháng 01/2010 đến tháng 5/2012: Trưởng phòng Tổng hợp Công ty VTHKĐS Sài Gòn.
 - Từ tháng 06/2012 đến tháng 12/2014: Giám đốc Xí nghiệp Vận tải đường sắt Sài Gòn.
 - Từ tháng 01/2015 đến nay: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Đoàn Tiếp viên đường sắt Phương Nam.

f) Ông KIỀU VĂN CHUNG

Chức vụ : Kiểm soát viên.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Kế toán tổng hợp
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ năm 1983 – đến năm 1993: Kế toán tổng hợp, Xí nghiệp Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn.
 - Từ năm 1993 – đến năm 1995: Kế toán tổng hợp, Xí nghiệp Liên hợp Vận tải đường sắt khu vực III.
 - Từ năm 1995 – đến năm 2007: Phụ trách kế toán Phân ban Quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt Khu vực III.
 - Từ năm 2007 – đến năm 2008: Trưởng phòng Thống kê – Máy tính. Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn.
 - Từ năm 2008 – đến năm 2014: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán – Kiểm thu. Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn.
 - Từ năm 2015 đến nay: Kiểm soát viên chuyên trách. Công ty TNHH một thành viên Vận tải đường sắt Sài Gòn, chức vụ:

g) Ông ĐINH VĂN SANG

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải sắt; Kỹ sư KT Vận tải biển.
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ tháng 7/1976 đến tháng 7/1977: Thư ký khách hóa vận Ga Suối Kiết.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- Từ tháng 8/1977 đến tháng 8/1978: Học lớp Trục ban chạy tàu II.
- Từ tháng 9/1978 đến tháng 11/1979: Trục ban chạy tàu ga Bình Triệu.
- Từ tháng 11/1979 đến năm 1989: Điều độ chạy tàu Công ty
- Từ năm 1989 đến năm 1992: Kỹ thuật viên hóa vận Ga Sóng Thần.
- Từ năm 1992 đến năm 1995: Phó Trưởng ga Sài Gòn.
- Từ năm 1995 đến tháng 3/1996: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty.
- Từ tháng 4/1996 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty.

h) Ông PHẠM NGỌC ĐĂNG

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Toa xe
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ tháng 6/1979 đến tháng 4/1995: Kỹ thuật viên, Quản đốc, Trưởng phòng. Kỹ thuật, Phó Giám đốc Nhà máy Xe lửa Dĩ An (Nay là Công ty Xe lửa Dĩ An).
 - Từ tháng 5/1995 đến nay: Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Vận tải đường sắt Khu vực 3 (Nay là Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn) với các chức danh: Chuyên viên, Trưởng phòng Đầu máy-Toa xe và Phó Tổng Giám đốc.

i) Ông VƯƠNG PHÚ ĐỨC

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Thạc sỹ Lịch sử xã hội.
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ tháng 5/1977 đến tháng 3/1978: Nhân viên Công ty đường Miền Nam.
 - Từ tháng 3/1978 đến tháng 12/1978: Học sinh Trường Công nhân kỹ thuật đường sắt 3.
 - Từ tháng 01/1979 đến tháng 3/1992: Cán sự kế toán, Xí nghiệp Liên hiệp Vận tải đường sắt Khu vực 3.
 - Từ tháng 4/1992 đến tháng 10/1994: Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Xí nghiệp Liên hiệp Vận tải đường sắt Khu vực 3.
 - Từ tháng 11/1994 đến tháng 6/2008: Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán, Xí nghiệp Liên hiệp Vận tải đường sắt Khu vực 3 (Nay là Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn).
 - Từ tháng 7/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty .

j) Ông ĐỖ ĐÌNH DUYỆC

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế Vận tải đường sắt
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ năm 1987 đến năm 1989: Nhân viên kế toán Công ty XNK Châu Thành, Đồng Tháp.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- Từ năm 1990 đến năm 1991: Kế toán trưởng Nông trường Liên doanh trồng tiêu xuất khẩu, Xuyên Mộc, Đồng Nai.
- Từ năm 1992 đến năm 1997: Nhân viên giao nhận, Trạm Vận tải Sài Gòn.
- Từ năm 1997 đến năm 2001: Trạm trưởng, Trạm giao nhận Sóng Thần.
- Từ năm 2002 đến năm 2014: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải thương mại đường sắt.
- Từ tháng 01/2015 đến tháng 04/2015: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Vận tải đường sắt Sài Gòn kiêm Giám đốc Chi nhánh VTĐS Sóng Thần.
- Từ tháng 5/2015 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn.

k) Ông CAO VĂN MÓT

Chức vụ : Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
- Kinh nghiệm và thời gian công tác:
 - Từ tháng 9/1976 đến tháng 11/1976: Học lớp Trục ban Trưởng tàu khóa I.
 - Từ tháng 11/1976 đến tháng 8/1982: Thi hành Nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn 25, Sư đoàn 5.
 - Từ tháng 8/1982 đến tháng 10/1995: Kế toán tổng hợp, Phó trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn.
 - Từ tháng 10/1995 đến nay: Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Kế toán trưởng, Công ty VTHK ĐS Sài Gòn (Nay là Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn)

11. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

11.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng khối lượng vận tải hàng hóa thực hiện giai đoạn 2012 - 2014 đạt 38,82 nghìn tấn, năm 2013 và 2014 sụt giảm khá lớn so với các năm trước.

Tổng khối lượng vận tải hành khách thực hiện giai đoạn 2012 - 2014 đạt 11.558 nghìn lượt hành khách lên tàu, đạt 5.964,1 triệu HK.km.

Tổng doanh thu vận tải thực hiện đạt 4.255 tỷ đồng.

Bảng 5: Sản lượng kinh doanh vận tải giai đoạn 2012 - 2015

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Ước năm 2015 | 2015 /2014 |
|-----|----------|-----------|----------|----------|----------|-----------------------|------------|
| 1 | Tấn xếp | 1.000 tấn | 17,41 | 11,41 | 10,00 | 1.064,00 ² | 10.640% |
| 2 | Tấn.Km | tr. T.Km | 29,43 | 19,00 | 1.222,00 | 1.341,00 | 109,7% |
| 3 | H.khách | 1.000 HK | 3.701,0 | 3.940,0 | 3.917,2 | 4.244,0 | 108,3% |

² Từ tháng 01/4/2014, Công ty sát nhập thêm một số đơn vị của Công ty TNHH Vận tải hàng hóa Đường sắt nên sản lượng hàng hóa năm 2015 cao hơn hẳn các năm trước.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Ước năm 2015 | 2015 /2014 |
|-----|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|--------------|------------|
| 4 | HK.Km | tr. HK.Km | 2.046,7 | 2.085,0 | 1.832,4 | 2.008,0 | 109,6% |
| 5 | T.Km t/đ | tr. TKm | 2.111,0 | 2.064,0 | 3.080,5 | 3.374,0 | 109,5% |
| 6 | Doanh thu vận tải ³ | tr.đồng | 1.226.016 | 1.272.651 | 1.755.830 | 1.901.059 | 103,2% |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

Bảng 6: Lợi nhuận sau thuế của Công ty giai đoạn 2012 - 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Quý I năm 2015 |
|-----|------------------------------------|----------|----------|----------|----------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 105.266 | 80.614 | (4.587) | 4.490 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 102.252 | 77.600 | (7.407) | 3.777 |
| 3 | Tỷ suất LNST/vốn đầu tư chủ sở hữu | 55,57% | 38,46% | (1,50%) | 0,83% |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty giai đoạn 2012 đến 31/3/2015

11.2. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên vật liệu:

Vận tải đường sắt thuộc lĩnh vực dịch vụ, vì vậy không có nguyên liệu.

Về nhiên liệu: Đặc điểm lớn nhất của kinh doanh vận tải là chi phí nhiên liệu chiếm phần lớn trong giá thành. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn của giá nhiên liệu. Hiện nay, các đầu máy của Công ty sử dụng dầu diesel.

Về vật liệu: bao gồm vật tư, phụ tùng thay thế, dầu nhớt thuộc loại chuyên dụng, phần lớn nhập khẩu, một số ít vật tư, phụ tùng không chủ yếu sản xuất trong nước.

b) Sự ổn định của các nguồn cung cấp này :

Về nhiên liệu: Các nhà cung cấp dầu diesel cho Công ty hiện nay là các đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Nguồn cung cấp nhiên liệu này khá ổn định, giá cả biến động theo quy định của Nhà nước.

Về vật liệu: nguồn cung cấp vật liệu tương đối ổn định do Công ty luôn xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng các đầu máy, toa xe trong thời gian dài hạn do đó chủ động trong việc tìm kiếm các nhà cung cấp, không để hiện tượng khan hiếm dẫn tới giá mua vật liệu tăng cao.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Công ty có kế hoạch quản lý chi phí nguyên, vật liệu cụ thể, chi tiết dựa trên

³ Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán các năm 2012 -2014.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

doanh thu, chi phí và lợi nhuận xây dựng hàng năm. Đồng thời, thường xuyên trao đổi thông tin với các nhà cung cấp, nhằm đàm phán giá mua bán hợp lý và điều chỉnh theo thị trường. Tuy nhiên, giá nhiên liệu biến động theo thị trường thế giới nhưng giá vé vận tải và hành khách Công ty không được quyền chủ động. Do đó, ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty là không nhỏ.

11.3. Chỉ tiêu kinh doanh

Bảng 7: Doanh thu của Công ty giai đoạn 2013 – 31/03/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | | Năm 2014 | | 3 tháng đầu năm 2015 | |
|--|------------------|-------------|------------------|-------------|----------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.523.185 | 98,51% | 1.984.867 | 97,05% | 676.863 | 99,38% |
| Doanh thu tài chính | 4.442 | 0,29% | 560 | 0,03% | 146 | 0,02% |
| Doanh thu khác | 18.620 | 1,20% | 59.716 | 2,92% | 4.047 | 0,59% |
| Tổng cộng | 1.546.246 | 100% | 2.045.144 | 100% | 681.055 | 100% |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

11.4. Chỉ tiêu chi phí

Bảng 8: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2013 – 31/03/2015

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | | Năm 2014 | | 3 tháng đầu năm 2015 | |
|------------------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|----------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| Giá vốn hàng bán | 1.307.713 | 89,23% | 1.714.511 | 83,65% | 653.798 | 97,97% |
| Chi phí hoạt động tài chính | 6.287 | 0,43% | 46.295 | 2,26% | 12540 | 1,88% |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 134.703 | 9,19% | 233.883 | 11,41% | 617 | 0,09% |
| Chi phí khác | 16.930 | 1,16% | 55.042 | 2,69% | 406 | 0,06% |
| Tổng chi phí | 1.465.633 | 100% | 2.049.731 | 100% | 667.360 | 100% |

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán giai đoạn 2013- 31/03/2015

Nhận xét: Giá vốn hàng bán và Chi phí quản lý doanh nghiệp là hai chi phí chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

11.5. Chỉ tiêu lợi nhuận và chỉ tiêu tài chính

Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 - 31/03/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Quý I/2015 |
|---|----------------|---------------|----------------|--------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.463.007 | 1.523.185 | 1.984.867 | 676.863 |
| Giá vốn hàng bán | 1.224.357 | 1.307.713 | 1.714.511 | 653.798 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 238.650 | 215.472 | 270.356 | 23.065 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 6.318 | 4.442 | 560 | 146 |
| Chi phí tài chính | 6.046 | 6.287 | 46.295 | 12.540 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 6.046 | 6.287 | 46.295 | 12.540 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 134.695 | 134.703 | 233.883 | 6.168 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 104.227 | 78.924 | (9.262) | 4.503 |
| Thu nhập khác | 19.088 | 18.620 | 59.716 | 4.047 |
| Chi phí khác | 18.048 | 16.930 | 55.042 | 4.060 |
| Lợi nhuận khác | 1.039 | 1.690 | 4.674 | (13) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 105.266 | 80.614 | (4.587) | 4.490 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 3.014 | 3.014 | 2.820 | 713 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 102.252 | 77.600 | (7.407) | 3.777 |

Nguồn: Các BCTC đã được kiểm toán giai đoạn 2013- 31/03/2015

11.6. Trình độ công nghệ

Công ty TNHH MTV Vận tải đường sắt Sài Gòn là doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách, hành lý và bao gửi. Phương tiện vận tải chính của Công ty gồm 129 đầu máy, 453 toa xe khách, tổng số lượng toa xe hàng, toa xe XT và xe chuyên dùng là 1.303 xe, 03 cầu cứu hộ đường sắt, 05 cầu xếp dỡ công trục.

Các phương tiện đầu máy toa xe cơ bản đều ở trạng thái hoạt động bình thường, được thực hiện bảo dưỡng, chỉnh bị, sửa chữa đúng quy trình quy phạm. Các loại đầu máy, toa xe được sản xuất ở nhiều nước khác nhau và thời gian sử dụng dài ngắn khác nhau cũng khác nhau, do vậy sức chở (toa xe), sức kéo (đầu máy) rất chênh lệch, vận dụng cũng khác nhau.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Với khả năng hiện nay, các đơn vị đều chủ động, kiểm soát khắc phục được hầu hết các sự cố kỹ thuật đầu máy toa xe, ngoại trừ hư hỏng về mạch điện điện tử trên đầu máy và tổ hợp máy phát điện trên toa xe. Chủ động cung ứng đủ vật tư phụ tùng cho sửa chữa, phục hồi đầu máy toa xe (cả phục hồi, sản xuất mới lần nhập khẩu).

Phần lớn đầu máy toa xe đã trích hết khấu hao, bao gồm nhiều chủng loại của nhiều quốc gia, thời gian sử dụng đều khoảng 15 đến hơn 20 năm, thậm chí có chủng loại đầu máy toa xe sử dụng trên 30 năm và trong tình trạng cũ kỹ, lạc hậu về kỹ thuật đòi hỏi phải được đầu tư thay thế.

Trong những năm gần đây, Công ty đã đầu tư nâng cấp, cải tạo toa xe trong đoàn tàu du lịch SH 1/2 (Sài Gòn – Huế) và SQN 1/2 (Sài Gòn – Quy Nhơn), SPT 1/2 (Sài Gòn – Phan Thiết) SE 3/4, 7/8 (Sài Gòn-Hà Nội), hiệu quả cho thấy: Doanh thu và hệ thống chiếm chỗ của các máy tàu trước và sau khi cải tạo, nâng cấp đã có sự tăng trưởng khác biệt rõ rệt.

11.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các hạng mục, dự án phục vụ kế hoạch vận tải từ nguồn vốn sửa chữa lớn và vốn khấu hao cơ bản. Tuy còn khó khăn về vật tư, vốn sửa chữa, nhất là do yêu cầu giảm chi phí thường xuyên hàng năm, nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu về sức chở, đảm bảo chất lượng, chủng loại và số toa xe vận dụng theo kế hoạch chạy tàu Tết, hè, Công ty đã tổ chức đấu thầu sửa chữa lớn toa xe, thực hiện các dự án cải tạo tổng thể, hoán cải toa xe, tiết kiệm được chi phí và đảm bảo tiến độ, chất lượng sửa chữa; lập kế hoạch dự phòng toa xe, quay vòng phương tiện sát yêu cầu vận tải, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

11.8. Hoạt động Marketing

Năm năm trở lại đây, mặc dù còn nhiều khó khăn, song Công ty đã quyết tâm, nỗ lực trong việc nghiên cứu thị trường, tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị, tạo ra các sản phẩm mới như: phối hợp với Công ty TNHH Quảng cáo – Truyền thông SEN lắp đặt hệ thống Rail TV trên toa xe ghế ngồi của các ram tàu SH, Công ty TNHH Quảng cáo Thiên Hy Long, Công ty TNHH Prowtech Vina phát sóng chương trình quảng cáo, giải trí phục vụ hành khách tại ga, trên tàu.

Công ty cũng đã đẩy mạnh công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên làm công tác kinh doanh tiếp thị, cử cán bộ tham dự các lớp học giao tiếp quốc tế; Tổ chức nhiều hình thức bán vé qua các đại lý, qua điện thoại, đưa vé đến nhà không thu phí, nhắn tin mua vé qua mạng, xây dựng hệ thống bán vé điện tử, chương trình bán vé tàu giá rẻ, giảm giá vé khi mua trước nhiều ngày...; Thu thập và xử lý thông tin thông qua ý kiến khách hàng, kịp thời giải quyết các vướng mắc nhằm tạo điều kiện cho hành khách mua vé thuận tiện, dễ dàng và tạo niềm tin cho khách hàng; Chủ động điều tra, tìm hiểu luồng khách, luồng hàng, giá của các phương tiện khác để kịp thời xây dựng và thực hiện chính sách giá vé, giá cước linh hoạt, kịp thời, hợp lý theo từng thời kỳ để thu hút, điều tiết luồng khách, đáp ứng cao nhất nhu cầu của hành khách theo từng thời kỳ.

Với những giải pháp sáng tạo, linh hoạt, kịp thời trong những năm qua, sản lượng và doanh thu của Công ty đạt được ngày càng tăng, xây dựng được thương hiệu, nâng cao uy tín cho Công ty cũng như của ngành Đường sắt.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

11.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện Công ty đang sử dụng logo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Logo này chưa được đăng ký bản quyền.



11.10. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh, các đề tài khoa học, sáng kiến cải tiến, hợp lý hóa sản xuất có tính thực tiễn cao, phục vụ trực tiếp cho sản xuất như đăng ký mua vé qua tin nhắn SMS, xếp chỗ qua tin nhắn SMS, bán vé qua mạng internet, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

Thời gian qua, Công ty và các đơn vị trực thuộc đã thực hiện 08 đề tài khoa học công nghệ cấp Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam với kinh phí 1,34 tỷ đồng, 48 đề tài cấp Công ty với kinh phí 1,37 tỷ đồng, 52 đề tài cấp cơ sở với kinh phí 363,2 triệu đồng, 320 sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất đã được ứng dụng vào thực tế sản xuất, mang lại hiệu quả cao, làm lợi 4,93 tỷ đồng.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

11.11. Một số hợp đồng có giá trị lớn công ty đã ký kết và thực hiện

Bảng 10: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

| TT | Ngày ký Hợp đồng | Số HĐ | Đối tác | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Giá trị |
|----|------------------|-----------------------|--|-------------------------|--|---|
| 01 | 25/12/2012 | HĐ số 10/SEN-KSG | Công ty TNHH Quảng cáo – Truyền thông SEN | Đến hết ngày 31/12/2022 | Cho thuê mặt bằng để lắp đặt hệ thống Rail-TV trên 12 toa xe của tàu SE21/22 | Năm thứ 1: 920.000 đồng/xe/tháng. Năm thứ 2, 3: 1.000.000 đồng/xe/tháng. Từ năm thứ 4 trở đi: 1.150.000 đồng/xe/ tháng. |
| 02 | 15/05/2013 | HĐ số 11/SEN-KSG | Công ty TNHH Quảng cáo – Truyền thông SEN | Đến hết ngày 30/5/2019 | Cho thuê mặt bằng để lắp đặt hệ thống Rail-TV trên 09 toa xe của tàu SPT1/2 | Từ năm thứ 1 đến năm thứ 3: 670.000 đồng/xe/tháng. Từ năm thứ 4 trở đi: 770.000 đồng/xe/ tháng. |
| 03 | 10/03/2015 | HĐ số: 24/VTĐSS G-SEN | Công ty TNHH Quảng cáo – Truyền thông SEN | Đến hết ngày 31/12/2022 | Cho thuê mặt bằng để lắp đặt hệ thống Rail-TV trên 28 toa xe của các tàu SE3/4, SE7/8 | Năm thứ 1: 1.932.000đồng/toa xe/tháng. Từ năm thứ 2 trở đi: 2.222.000 đồng/xe /tháng. |
| 04 | 07/10/2015 | HĐ số 15/SEN-KSG | Công ty TNHH Quảng cáo – Truyền thông SEN | Đến hết ngày 31/12/2015 | Cho thuê mặt bằng để lắp đặt bảng thông tin Qcáo bên trong nội thất của các toa xe tàu SE21/22 | 6000.000 đồng/xe/tháng |
| 05 | 12/03/2015 | HĐ số: 23/VTĐSS G-RAT | Công ty CP Vận tải và Thương mại Đường sắt | Đến hết ngày 31/12/2016 | Cho thuê mặt bằng để lắp đặt bảng thông tin Qcáo bên trong nội thất của các toa xe tàu SE3/4,7/8 | Thu bằng 50% trên tổng giá trị của hợp đồng giữa Ratraco với khách hàng. |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| TT | Ngày ký Hợp đồng | Số HĐ | Đối tác | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Giá trị |
|-----------|-------------------------|-----------------------|---|----------------------------|--|---|
| 06 | 28/07/2009 | HĐ số 19/HĐKT | Công ty CP Vận tải và Thương mại Đường sắt | Đến hết ngày 24/11/2017 | Thuê trang thiết bị nội thất trên các toa xe do Ratracco cải tạo để phục vụ HK | Trả phí bằng 3% trên tổng doanh thu tiền cước vận tải/xe |
| 07 | 28/11/2014 | HĐ số: 43, 44 /VTHK | Công ty TNHH DVVT tàu Vàng Sài Gòn | Đến hết ngày 31/12/2015 | Vận chuyển HK tập thể đi tàu SNT1/2 | Thu tiền HK đi tàu tập thể theo giá vé quy định hiện hành |
| 08 | 05/05/2015 | HĐ số: 28/VTHK | Công ty TNHH DVVT tàu Vàng Sài Gòn | Đến hết ngày 31/12/2015 | Vận chuyển HK tập thể đi tàu SNT1/2 | Thu tiền HK đi tàu tập thể theo giá vé quy định hiện hành |
| 09 | 28/07/2015 | HĐ số: 31/VTBC | Công ty Vận chuyển và kho vận Bưu điện | Đến hết ngày 31/12/2020 | Vận chuyển Bưu chính trên toa bưu điện tàu TN1/2 do Công ty quản lý | Thu tiền cước 10 tấn Bưu chính và tiền vé của 02 hộ tổng viên theo tàu (33 triệu/vòng quay toa xe). |
| 10 | 28/01/2015 | HĐ số: 05/VTHL-BG | Chi nhánh Công ty CP bao bì vận chuyển Hà Nội | Đến hết ngày 31/12/2015 | Vận chuyển hàng hóa trên toa xe hành lý | Hàng ngày, dành chỗ khoảng 5 tấn và thu tiền cước vận chuyển theo khối lượng thực tế |
| 11 | 23/03/2015 | HĐ số: 25/VTHH | Công ty TNHH TM - DV - VT Hòa Hưng | Đến hết ngày 31/12/2015 | Vận chuyển hàng hóa nguyên toa nối vào tàu Thống nhất | Thu tiền cước vận chuyển theo quy định hiện hành |
| 12 | 24/02/2015 | HĐ số: 70C-0318-010SG | Bưu điện TP. HCM | Đến hết ngày 01/3/2018 | Cung cấp dịch vụ Bưu phẩm thu cước ở người nhận | Thanh toán cước phí dịch vụ theo đơn giá của Bưu điện TP. HCM quy định. |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| TT | Ngày ký Hợp đồng | Số HĐ | Đối tác | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Giá trị |
|-----------|-------------------------|---------------------------|---|----------------------------|--|---|
| 13 | 18/07/2014 | HĐ số: 25/VTHH- KSG | Công ty TNHH Express Trains ATH | Đến hết ngày 19/9/2021 | VCHH bằng các đoàn tàu chuyên tuyến cắt móc H1/2 tuyến Đồng Đăng – Sóng Thần và ngược lại, chuyên Container lạnh (loại Cont cao 40, 45 feet) | Thanh toán tiền cước vận chuyển trọn gói đoàn tàu theo đơn giá quy định của hợp đồng (03 đôi/tuần). |
| 14 | 28/01/2015 | HĐ số: 06/VTHH | Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hoa Lâm | Đến hết ngày 31/12/2015 | VCHH bằng các đoàn tàu chuyên tuyến chạy suốt SBN1/2 tuyến Yên Viên – Sóng Thần và ngược lại, chuyên Container. | Thanh toán tiền cước vận chuyển trọn gói đoàn tàu theo đơn giá quy định của hợp đồng (02 đôi/tuần). |
| 15 | 28/01/2015 | HĐ số: 07/VTHH | Công ty TNHH Vận tải Thuận Việt | Đến hết ngày 31/12/2015 | VCHH bằng các đoàn tàu chuyên tuyến chạy suốt GS1/2 tuyến Giáp Bát – Sóng Thần và ngược lại. | Thanh toán tiền cước vận chuyển trọn gói đoàn tàu theo đơn giá quy định của hợp đồng (02 đôi/tuần). |
| 16 | 28/01/2015 | HĐ số: 08/VTHH | Công ty TNHH VT Thuận Việt | Đến hết ngày 31/12/2015 | VCHH bằng các đoàn tàu chuyên tuyến chạy suốt HSK1/2 tuyến Kim Liên – Sóng Thần và ngược lại. | Thanh toán tiền cước vận chuyển trọn gói đoàn tàu theo đơn giá quy định của hợp đồng (02 đôi/tuần). |
| 17 | 28/01/2015 | HĐ số: 09/VTHH | Công ty CP DVVT Giao nhận XDHH XNK Vận Thành Đạt | Đến hết ngày 31/12/2015 | VCHH bằng các đoàn tàu chuyên tuyến chạy suốt H3/4, SBN1/2 tuyến Giáp Bát – Sóng Thần và ngược lại. | Thanh toán tiền cước vận chuyển trọn gói đoàn tàu theo đơn giá quy định của hợp đồng (03 đôi/tuần). |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| TT | Ngày ký Hợp đồng | Số HĐ | Đối tác | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Giá trị |
|----|------------------|-------------------|--|-------------------------|---|---|
| 18 | 28/01/2015 | HĐ số: 10/VTHH | Công ty TNHH Vận tải - Thương mại Ngọc Thạnh | Đến hết ngày 31/12/2015 | VCHH bằng các đoàn tàu chuyên tuyến chạy suốt HDS1/2 tuyến Diêu Trì – Sóng Thần và ngược lại. | Thanh toán tiền cước vận chuyển trọn gói đoàn tàu theo đơn giá quy định của hợp đồng (01 đôi/tuần). |
| 19 | 28/01/2015 | HĐ số: 11/VTHH | Công ty TNHH MTV VTHH Hà Minh | Đến hết ngày 31/12/2015 | VCHH bằng các đoàn tàu chuyên tuyến chạy suốt H3/4 tuyến Giáp Bát – Sóng Thần và ngược lại. | Thanh toán tiền cước vận chuyển trọn gói đoàn tàu theo đơn giá quy định của hợp đồng (02 đôi/tuần). |
| 20 | 28/04/2015 | HĐ số: 27/VTHH | Công ty TNHH TMDV EZ LIFE | Đến hết ngày 31/12/2015 | VCHH bằng các đoàn tàu chuyên tuyến chạy suốt H3/4 tuyến Giáp Bát – Sóng Thần và ngược lại. | Thanh toán tiền cước vận chuyển trọn gói đoàn tàu theo đơn giá quy định của hợp đồng (01 đôi/tuần). |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

11.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về luật thuế của Nhà nước.

Các loại thuế Công ty phải nộp bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng nội địa;
- Thuế Thu nhập Doanh nghiệp/ Thu nhập Cá nhân;
- Thuế tài nguyên;
- Thuế đất;
- Thuế môn bài;
- Phí bảo vệ môi trường.

11.13. Một số chỉ tiêu tổng hợp

Tổng hợp một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty 03 (ba) năm trước cổ phần hóa như sau:

Bảng 11: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 - 31/03/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Quý I năm 2015 |
|----|--------------------------------|-------------------|--------------------|-----------|-----------|--------------------|
| 1 | Tổng tài sản | Triệu đồng | 549.886 | 616.381 | 1.560.303 | 1.491.339 |
| 2 | Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | Triệu đồng | 183.990 | 201.748 | 495.042 | 455.818 |
| 3 | Nợ vay ngắn hạn | Triệu đồng | 283.833 | 259.110 | 282.452 | 399.923 |
| | <i>Trong đó: Nợ quá hạn</i> | <i>Triệu đồng</i> | - | - | - | - |
| 4 | Nợ vay dài hạn | Triệu đồng | 82.063 | 155.522 | 782.808 | 635.598 |
| | <i>Trong đó: Nợ quá hạn</i> | <i>Triệu đồng</i> | - | - | - | - |
| 5 | Nợ phải thu khó đòi | Triệu đồng | - | (239) | (4.962) | - |
| 6 | Tổng số lao động | Người | 3.280 ⁴ | 3.290 | 5.401 | 3.699 ⁵ |
| 7 | Tổng quỹ lương | Triệu đồng | 232.565 | 244.132 | 365.203 | 78.387 |
| 8 | Thu nhập bình quân người/tháng | Triệu đồng | 6,332 | 6,883 | 7,084 | 7.095 |
| 9 | Tổng doanh thu ⁶ | Triệu đồng | 1.488.413 | 1.546.246 | 2.045.144 | 681.055 |

⁴ Số liệu lao động và quỹ lương, thu nhập bình quân năm 2012, 2013 được lấy từ Báo cáo Quyết toán tiền lương gửi Thanh tra Chính phủ ngày 06/10/2014

⁵ Số liệu lao động và quỹ lương của khối vận tải

⁶ Tổng doanh thu gồm Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động TC và doanh thu khác

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Quý I năm 2015 |
|----|------------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|----------------|
| 10 | Tổng chi phí ⁷ | Triệu đồng | 1.383.147 | 1.465.633 | 2.049.731 | 676.565 |
| 11 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 105.266 | 80.614 | (4.587) | 4.490 |
| 12 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 102.252 | 77.600 | (7.407) | 3.777 |
| 13 | Tỷ suất LNST/vốn đầu tư chủ sở hữu | % | 55,57% | 38,46% | (1,50%) | 0,83% |

Nguồn: Các BCTC đã kiểm toán trong giai đoạn 2013 - 31/03/2015

11.14. Các chỉ tiêu tài chính

Bảng 12: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn 2012 - 2014

| Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 |
|---|----------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (Tại thời điểm cuối kỳ) | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (Lần) | 1,46 | 1,71 | 2,02 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (Lần) | 1,34 | 1,59 | 1,59 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (Tại thời điểm cuối kỳ) | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng Tài sản | 0,67 | 0,67 | 0,68 |
| - Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản | 0,33 | 0,33 | 0,32 |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Lần) | 1,99 | 2,06 | 2,14 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay các khoản phải thu (Vòng) | 70,46 | 61,24 | 10,00 |
| - Kỳ thu tiền bình quân (Ngày) | 5,18 | 5,96 | 36,50 |
| - Vòng quay hàng tồn kho (Vòng) | 36,87 | 41,27 | 22,61 |
| - Vòng quay Tổng tài sản (Vòng) | 2,66 | 2,61 | 1,82 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,07 | 0,05 | (0,004) |
| - Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | 0,07 | 0,05 | (0,005) |
| - Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 0,53 | 0,22 | (0,016) |
| - Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | 0,18 | 0,07 | (0,005) |

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu của Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

⁷ Tổng chi phí gồm Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ, chi phí quản lý DN và chi phí khác

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- **Chỉ tiêu khả năng thanh toán:** Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty ở mức cao và có xu hướng tăng.
- **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** Hệ số Nợ /Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản tương đối ổn định.
- **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Vòng quay các khoản phải thu, Vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tổng tài sản có xu hướng giảm. Kỳ thu tiền bình quân tăng lên cho thấy năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng giảm.
- **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:** Các chỉ tiêu khả năng sinh lời của Công ty giảm nhẹ và bị âm trong năm 2014 do năm 2014, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ.

12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

12.1. Điểm mạnh

- Một số dự án trọng điểm của ngành Đường sắt được hoàn thành, sẽ góp phần làm tăng năng lực vận tải trên các tuyến.
- Công ty có truyền thống trong xây dựng và phát triển qua nhiều năm đã tạo được uy tín và thương hiệu, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường vận tải. Sau cổ phần hóa công ty sẽ có điều kiện củng cố vị thế là đơn vị vận tải mạnh năng động của ngành Giao thông vận tải đường sắt.
- Sau cổ phần hóa công ty sẽ chuyển sang hoạt động theo mô hình mới, thay đổi phương thức quản trị doanh nghiệp, tạo nguồn động lực mới cho phát triển, mở rộng thị trường hoạt động và đối tượng khách hàng, phát huy hết tiềm năng và thế mạnh của mình. Đồng thời việc cổ phần hóa hình thức đa sở hữu sẽ tạo điều kiện huy động được nhiều nguồn vốn đầu tư theo các kênh khác nhau đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Về ứng dụng công nghệ thông tin: Do chưa có sẵn những hệ thống lớn, nên việc xây dựng các hệ thống thông tin quản lý sản xuất phù hợp với mô hình tổ chức mới sau cổ phần hóa sẽ được thuận lợi. Công ty có thể chủ động chọn lựa các hình thức đầu tư, xây dựng kiến trúc hệ thống để bảo đảm cho việc quản lý, khai thác phù hợp với điều kiện, năng lực hiện có mà vẫn bảo đảm cho sự phát triển của Công ty.

12.2. Điểm yếu

- Khả năng cạnh tranh kém.
- Kết quả sản xuất kinh doanh vận tải tuy đạt mức tăng trưởng về doanh thu nhưng sản lượng và lượng luân chuyển tăng trưởng thấp, không ổn định do điều kiện cơ sở vật chất còn chưa đáp ứng nhu cầu, thời gian vận chuyển kéo dài, tổ chức chạy tàu còn có những điểm chưa phù hợp; sản phẩm vận tải còn đơn điệu, công tác vận chuyển chủ yếu mới từ ga đến ga; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải, kinh doanh khác phát triển không đồng đều, có lúc tỏ ra lúng túng trước những diễn biến phức tạp của thị trường; mặt khác do nguồn vốn còn thiếu nên việc đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa các sản phẩm gặp nhiều khó khăn.
- Công ty sau một thời gian dài hoạt động theo mô hình công ty hạch toán phụ thuộc, công tác quản trị doanh nghiệp chưa phù hợp, vẫn tư duy theo cơ chế xin cho dẫn đến chưa phát huy được tính trách nhiệm, năng động tự chủ của các đơn vị và người lao động. Vì vậy sẽ cần có thời gian để công ty thích ứng với mô hình và cơ chế quản trị doanh nghiệp theo mô hình mới và đặt công ty trước sự đòi hỏi cấp thiết, sự thay đổi

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

căn bản trong tư duy kinh doanh, trong cách nghĩ cách làm, trong quản trị doanh nghiệp, trong tự chủ về hiệu quả hoạt động và phương hướng phát triển của Công ty để bảo đảm bảo toàn phát triển vốn cũng như quyền lợi của cổ đông

- Phương tiện vận tải như toa xe, phương tiện xếp dỡ cơ giới còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, đa số có thời gian vận dụng đã nhiều năm nên chưa đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, đặc biệt là với dịch vụ chất lượng cao đòi hỏi có chiến lược đầu tư nâng cấp, trang bị mới phương tiện thiết bị phù hợp và các giải pháp huy động vốn để đáp ứng nhu cầu cấp thiết về đầu tư.

- Chất lượng nguồn nhân lực hiện có chưa đáp ứng được yêu cầu, số lượng lao động còn nhiều, bộ máy công kênh nhiều đầu mối đan xen, việc ứng dụng khoa học công nghệ chưa có bước đột phá lớn dẫn đến năng suất lao động thấp, thu nhập chưa cao so với mặt bằng chung của xã hội, không có sức thu hút lao động có trình độ và tay nghề cao vào làm việc.

- Về ứng dụng CNTT trong quản lý sản xuất: Nhìn một cách tổng quát, hiện trạng ứng dụng CNTT hiện nay còn yếu kém, lạc hậu. Ngoài việc có được hệ thống quản lý bán vé đang sử dụng và đang chuyển thành hệ thống bán vé điện tử để phục vụ sản xuất kinh doanh, còn lại chỉ cơ bản là những ứng dụng nhỏ lẻ cục bộ do các cá nhân, các bộ phận, đơn vị xây dựng để dùng đơn lẻ, chưa có các hệ thống tiêu chuẩn mang tính quy hoạch, để khai thác, sử dụng chung. Công ty cần phải xây dựng thành các hệ thống quản lý để điều hành, sử dụng và khai thác tập trung như HTBVĐT thì mới đạt hiệu quả, trong đó nhiều quy trình sản xuất cần phải có sự tham gia của nhiều bộ phận thuộc các đơn vị khác của ngành đường sắt tham gia. Vì vậy việc xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin cần phải có đầu mối chỉ đạo thống nhất tập trung, qua vai trò chủ sở hữu, đơn vị quản lý cấp trên hay các hình thức như hiệp hội chuyên ngành.... thì mới có thể hoàn thành.

12.3. Cơ hội

- Môi trường chính trị ổn định, hệ thống luật pháp đang hoàn chỉnh, chính sách Nhà nước ngày càng thông thoáng trong phát triển kinh tế trong nước; hợp tác và đầu tư với các đối tác nước ngoài;

- Kinh tế nước ta đã có dấu hiệu phục hồi, quy mô và tiềm lực kinh tế của đất nước được nâng cao; đã đạt được kết quả bước đầu trong việc tái cơ cấu nền kinh tế, hệ thống kết cấu hạ tầng đã được xây dựng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh vận tải đường sắt phát triển, tăng thị phần. Nhu cầu đi lại của xã hội và vận tải ngày càng lớn.

- Nhà nước khuyến khích phát triển ngành đường sắt. Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 10/02/2015 của Thủ tướng phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 với quan điểm phát triển: "...Giao thông vận tải đường sắt là một bộ phận quan trọng trong hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, là loại hình vận tải chủ yếu đảm nhận vận tải hàng hóa khối lượng lớn đường dài và trung bình, vận tải hành khách đường dài, liên tỉnh, vận tải hành khách công cộng tại các Thành phố lớn; đóng vai trò chủ đạo trong vận tải hành khách trên trục Bắc - Nam và hàng hóa, hành khách trên trục Đông - Tây, cũng như ưu thế nổi bật về vận tải hành khách công cộng cần được ưu tiên đầu tư phát triển...".

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- Tổng Công ty đang thực hiện tái cơ cấu, cổ phần hóa theo lộ trình của ngành Giao thông vận tải nên sẽ tạo cơ hội cho Công ty tiếp cận được nguồn vốn để đầu tư, mở rộng kinh doanh; chủ động hơn trong sản xuất kinh doanh.
- Xu hướng chung hiện nay là hành khách ưa thích được phục vụ chu đáo, văn minh, được sử dụng thành quả công nghệ cao dù phải bỏ thêm tiền. Việc ứng dụng công nghệ cao còn mang lại chi phí giảm (đặc biệt là nhân công).
- Trình độ lao động ngày càng có trình độ cao và tư duy làm việc hiện đại, đáp ứng yêu cầu của Công ty trong thời kỳ hội nhập.
- Địa bàn quản lý nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam năng động, nhu cầu luân chuyển hành khách và hàng hoá lớn đó là điều kiện thuận lợi, là nguồn ngoại lực quan trọng có ảnh hưởng đối với sự phát triển bền vững của Công ty.

12.4. Thách thức

- Môi trường chính sách còn chưa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Bản thân các văn bản pháp lý của Việt Nam đang trong quá trình hoàn chỉnh, trong khi năng lực xây dựng và thực thi chính sách còn yếu.
- Khi chuyển đổi sang mô hình mới, Công ty sẽ được chủ động hơn trong kinh doanh, liên doanh, liên kết với các công ty trong và ngoài nước đòi hỏi Công ty phải hiểu biết đầy đủ về các thông lệ, luật pháp.
- Thị trường vận tải ngày càng có sự cạnh tranh gay gắt và khốc liệt giữa các phương thức vận tải khác với đường sắt, đặc biệt là với hàng không giá rẻ trong vận tải hành khách và đường biển trong vận tải hàng hóa. Trong khi thị phần của công ty chiếm tỷ lệ rất thấp (dưới 1%) và nguy cơ có xu hướng giảm nếu không có giải pháp nâng cao năng lực và sức cạnh tranh thích ứng với cơ chế thị trường.
- Việc có thêm nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải tại khu vực càng làm tăng áp lực cạnh tranh lao động, nguồn lao động sẽ bị chia sẻ, giá lao động sẽ tăng lên, cạnh tranh trong việc thu hút lao động giỏi cũng sẽ gay gắt hơn;
- Sự tăng giá và biến động thất thường của các yếu tố nguyên nhiên vật liệu đầu vào (đặc biệt xăng dầu) gây khó khăn trong hoạch định sản xuất cũng như tăng giá thành dịch vụ.
- Nhu cầu của xã hội đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng, giá cả dịch vụ.
- Khả năng tiếp cận tín dụng khó khăn trong khi nhu cầu về vốn đầu tư phát triển của Công ty rất lớn.

13. Vị thế trong ngành của Công ty

13.1. Vị thế của Công ty

Công ty là một đơn vị dẫn đầu Tổng công ty ĐSVN về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải đường sắt và chất lượng dịch vụ những năm qua. Hiện tại, cả nước có 02 Công ty kinh doanh lĩnh vực vận tải hành khách đường sắt là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Với 09 chi nhánh hoạt động kinh doanh trên toàn mạng lưới đường sắt quốc gia, Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn có tiềm năng rất lớn trong việc khai thác các mảng kinh doanh dịch vụ trong ngành vận tải đường sắt.

13.2. Triển vọng phát triển của Ngành

Giao thông vận tải đóng vai trò huyết mạch thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế trong nước. Do đó, Chính phủ luôn dành những ưu tiên hàng đầu trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông trên khắp cả nước, đặc biệt là các tuyến giao thông quan trọng kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Cùng với sự phát triển của cả nước, nhu cầu vận tải hàng hóa và nhu cầu đi lại của người dân ngày càng gia tăng trong đó có nhu cầu vận tải bằng đường sắt.

Theo thống kê, về vận tải hành khách, số hành khách đi tàu bình quân hàng năm là trên 11 triệu lượt, trong đó hành khách đi tàu Thống nhất Bắc Nam chiếm khoảng 35%. Về vận tải hàng hóa, số tấn xếp bình quân hàng năm là 8,5 triệu tấn. Tuy nhiên, thị phần vận tải đường sắt chiếm chưa đến 1,00% trong tổng khối lượng vận tải của toàn ngành giao thông vận tải.

Để gia tăng thị phần và xây dựng, phát triển ngành đường sắt phù hợp với chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24/08/2015, trong đó nêu rõ các giải pháp, chính sách thực hiện nhằm tăng thị phần vận tải đường sắt lên 1,00 – 2,00% về nhu cầu vận tải hành khách và khoảng 1,00 – 3,00% về nhu cầu vận tải hàng hóa trong tổng khối lượng vận tải của toàn ngành giao thông vận tải.

Bên cạnh những thuận lợi để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực vận tải đường sắt cũng đối mặt với những thách thức lớn trong quá trình phát triển. Máy móc, thiết bị toa xe có chi phí rất lớn do đó các doanh nghiệp hầu như phải vay nợ để đầu tư mới, làm gia tăng chi phí lãi vay. Việc cạnh tranh từ các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực vận tải khác như vận tải xe khách, vận tải đường hàng không cũng ảnh hưởng nhiều tới doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp.

13.3. Định hướng phát triển của Công ty

Nâng cao hiệu quả hoạt động điều hành, thực hiện việc kiện toàn sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty tới các đơn vị thành viên. Phân cấp nhiệm vụ chức năng giữa Công ty và các đơn vị thành viên theo hướng tạo mối liên kết chặt chẽ và tự chủ tối đa trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Các chi nhánh trực thuộc Công ty là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của các chi nhánh trực thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại Công ty và thuộc sở hữu của Công ty.
- Các chi nhánh được chủ động ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ và quy chế của chi nhánh do Hội đồng quản trị ban hành. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các chi nhánh.
- Đảm bảo thực hiện được tốc độ tăng trưởng của Công ty trên các chỉ tiêu:
 - Sản lượng (Tkm tính đôi)
 - Doanh thu
 - Lợi nhuận sau thuế.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- Giai đoạn trước mắt Công ty chọn lựa chiến lược tăng trưởng tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính là vận chuyển hành khách, hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ vận tải. Chiến lược này đặt trọng tâm vào việc cải tạo, nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ hỗ trợ vận tải, đồng thời đẩy mạnh dịch vụ hỗ trợ khác, các phương thức kinh doanh, mở mang và phát triển thị trường hiện có.
- Xây dựng phương án tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với mô hình tổ chức mới, đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Nâng cao tính tự chủ trong công tác điều hành và trong triển khai thực hiện công tác vận tải của Công ty. Đơn giản hóa bộ máy trong dây chuyền sản xuất, tối ưu hóa các tác nghiệp để giảm chi phí và hạ giá thành vận tải; xây dựng giá vé, giá cước cạnh tranh để thu hút khách hàng.
- Tập trung mọi nguồn lực tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng dịch vụ vận tải tại các đơn vị thành viên; đổi mới công tác phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, đưa ra các sản phẩm vận tải tốt nhất và đa dạng, bao gồm: vận tải đa phương thức, từ nhà đến nhà, từ kho đến kho, tăng thêm các dịch vụ tiện ích, phát triển du lịch.
- Từng bước nâng cao chất lượng toa xe, đảm bảo an toàn vận tải; nâng tốc độ chạy tàu, rút ngắn thời gian chạy tàu trên tuyến. Tập trung nguồn vốn để cải tạo, nâng cấp các đoàn tàu khách của Công ty đạt tiêu chuẩn chất lượng cao.
- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, liên doanh liên kết trong khai thác vận tải. Hợp tác với các Công ty du lịch để thu hút các luồng hành khách lớn và ổn định, nâng cao thị phần vận tải. Thu hút các nguồn vốn của các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các phương tiện vận tải, các công trình hỗ trợ vận tải.
- Tăng cường các biện pháp, giải pháp tích cực hơn nữa trong công tác đảm bảo an toàn vận tải; tạo niềm tin, cảm giác yên tâm cho hành khách khi lựa chọn phương tiện đi lại bằng đường sắt. Đây là sự khác biệt lớn nhất của Công ty với các đối thủ cạnh tranh khác về sản phẩm vận tải, vì vậy cần duy trì và phát triển hơn nữa nét đặc trưng này.
- Trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực chú trọng vào chất lượng, không ngừng đào tạo, đào tạo lại lực lượng tại chỗ, xây dựng đội ngũ kế thừa xứng tầm, có giải pháp giữ chân cán bộ quản lý và công nhân lành nghề, đồng thời thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các chính sách (lương, thưởng, cổ phiếu, ...). Bố trí công việc đúng người, đúng việc nhằm khai thác tối đa năng lực của của từng người lao động. Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp hợp tác, gắn kết, thân thiện, tập trung phát triển văn hóa doanh nghiệp. Đặc biệt chú trọng, chăm sóc đến tinh thần tư tưởng người lao động, xây dựng được niềm tin vững chắc và gắn bó bền chặt với Công ty. Xây dựng, bổ sung hoàn thiện, đổi mới các cơ chế, quy chế quản lý nội bộ nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác quản lý; tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Ứng dụng các công cụ quản trị doanh nghiệp tiên tiến, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị văn phòng. Phát triển từng bước các ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tập trung phát triển từng hệ nghiệp vụ, bảo đảm tính hiệu quả và liên thông trong toàn bộ hoạt động điều hành sản xuất: Một là cần phải ưu tiên phát triển các hệ thống xử lý thông tin quản lý điều hành trực tiếp đối với sản xuất kinh doanh chính là vận tải hàng hóa, hành khách, và hành lý bao gửi; Hai là chọn lựa phương án thuê hoặc phân kỳ đầu tư từng bước tùy theo từng ứng dụng; Ba là tăng

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

cường đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, từ vận hành đến quản trị, duy tu và phát triển; Bốn là tập trung xây dựng các ứng dụng hỗ trợ việc phát triển và chăm sóc khách hàng. Năm là cần phải tham gia xây dựng các bộ tiêu chuẩn dữ liệu thống nhất toàn ngành, nhằm đáp ứng cho việc trao đổi dữ liệu, tích hợp các hệ thống thông tin với các đơn vị đối tác liên quan để đẩy mạnh việc tự động hóa hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh.

13.4. Đánh giá sự phù hợp về định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, của Nhà nước

Định hướng của Nhà nước là gia tăng thị phần, xây dựng và phát triển đường sắt, vì vậy, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty là hoàn toàn phù hợp với chính sách phát triển giao thông vận tải Việt Nam.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Vốn điều lệ và tỷ lệ cổ phần chào bán cho các cổ đông

Vốn điều lệ : 503.100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ ba tỷ, một trăm triệu đồng*)

Số lượng cổ phần : 50.310.000 cổ phần

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Bảng 15: Cơ cấu cổ đông dự kiến của Công ty sau Cổ phần hóa

| ST T | Cổ phần | Số lượng cổ phần | Giá trị theo mệnh giá | Tỷ lệ so với vốn điều lệ |
|------|--|-------------------|------------------------|--------------------------|
| I | Nhà nước | 30.186.000 | 301.860.000.000 | 60,00% |
| II | Cổ phần bán ra bên ngoài | 20.124.000 | 201.240.000.000 | 40,00% |
| 1 | Cổ phần bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên | 5.703.400 | 57.034.000.000 | 11,34% |
| | <i>Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế trong KVNN (bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất)</i> | 3.195.750 | 31.957.500.000 | 6,35% |
| | <i>Mua ưu đãi theo năm công tác cam kết</i> | 2.507.650 | 25.076.500.000 | 4,98% |
| 2 | Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược | 7.210.000 | 72.100.000.000 | 14,33% |
| 3 | Cổ phần bán đấu giá cho nhà đầu tư khác | 7.210.600 | 72.106.000.000 | 14,33% |
| | TỔNG CỘNG | 50.310.000 | 503.100.000.000 | 100% |

Nguồn: Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo Quyết định số 3885/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông Vận tải

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo Bộ Giao thông Vận tải thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn sau khi Công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt điều chỉnh.

2. Chiến lược kinh doanh và phát triển sau khi cổ phần hóa

- a) Xác định luồng khách, luồng hàng
 - Thống kê số liệu chuyên chở về hành khách, hàng hóa của Công ty trên từng cung chặng, khu đoạn đường ngắn, đường dài qua các năm, xây dựng biểu đồ luồng khách, luồng hàng từ đó dự báo cho năm tiếp theo. Đây là cơ sở dữ liệu đầu tiên và quan trọng nhất để hoạch định chiến lược cũng như đề ra các giải pháp kinh doanh cụ thể.
 - Nắm bắt luồng hành khách, hàng hóa thông qua các khách, chủ hàng truyền thống như các công ty du lịch, các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp có nhu cầu, khối lượng chuyên chở lớn hàng năm, theo mùa... Hình thức nắm bắt có thể họp khách, chủ hàng hoặc cử nhân viên đi điều tra, nắm bắt thị trường theo khu vực như Sài Gòn, Nha Trang, Đà Nẵng, Hà Nội ...
 - Xây dựng biểu đồ luồng khách và biểu đồ luồng hàng tiềm năng sau khi có các số liệu thống kê, các dự báo cũng như nắm bắt được nhu cầu thị trường.
- b) Xây dựng phương án vận tải
 - Trên cơ sở tổng số liệu thống kê, điều tra về luồng hành khách, hàng hóa, các điều kiện về cơ sở vật chất của ngành (trên từng khu đoạn, tuyến đường, nhà ga), của Công ty như khả năng cung cấp đầu máy, toa xe, năng lực chạy tàu trên tuyến, nhiệm vụ vận dụng phương tiện vận tải, các quy định, quy chuẩn Quốc gia về khai thác vận tải đường sắt ..., Công ty xây dựng phương án vận tải tàu khách, tàu hàng. Nội dung cơ bản gồm:
 - Xác định khối lượng vận tải và doanh thu khách, tàu hàng phải thực hiện.
 - Phương án chạy tàu khách, tàu hàng.
 - Phương án vận dụng đầu máy, toa xe.
 - Xác định các chỉ tiêu sản lượng: km chạy, tấn tổng trọng, HK/km, tấn/km...
- c) Tổ chức lập tàu và chạy tàu:
 - Trên cơ sở nhu cầu vận chuyển về luồng khách, luồng hàng, nhu cầu tổ chức lập tàu trên các tuyến, Công ty đề xuất với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam để xây dựng BĐCT.
 - Đối với tàu khách đề xuất việc tổ chức chạy tàu Thống nhất Bắc – Nam, tàu khách du lịch, tàu khu đoạn, tàu ngắn đường để phục vụ nhu cầu đa dạng của hành khách.
 - Đối với tàu hàng đề xuất tổ chức chạy các đoàn tàu chuyên tuyến, tàu hàng chạy suốt, tàu khu đoạn và tàu cắt móc để phục vụ nhu cầu đa dạng của chủ hàng.
 - Trên cơ sở BĐCT do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam duyệt, ký kết hợp đồng điều hành giao thông đường sắt, tổ chức lập tàu vận chuyển hành khách, hàng hóa.
 - Công ty tự chủ động quản lý các máy tàu khách, hàng của mình.
 - Qui định thành phần đoàn tàu, hành trình, các ga tác nghiệp, loại đầu máy sử dụng, cắt nối xe đáp ứng nhu cầu của hành khách, chủ hàng.
 - Qui định chung về công tác tổ chức phục vụ hành khách, công tác vận chuyển

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

hàng hóa trong quá trình tổ chức chạy tàu.

- Qui định về công tác tổ chức bán vé, nhận vận chuyển hàng hóa.
- Chuẩn bị các toa xe vận chuyển hành khách, hàng hóa, tổ chức công tác phục vụ hành khách, chủ hàng.
- Xây dựng và ban hành quy định về tác nghiệp kỹ thuật toa xe, tổ chức tác nghiệp kỹ thuật toa xe trong quá trình tổ chức chạy tàu.
- Phương án thuê kho, bãi, bốc, xếp, vận chuyển từ ga tới kho và kho tới ga, kho tới kho...
- Phương án thuê đầu máy, toa xe hàng của công ty bạn.
- Phương án cho thuê đầu máy, toa xe hàng.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa

Căn cứ xây dựng kế hoạch:

Căn cứ vào kết quả kinh doanh trong quá khứ cũng như tình hình kinh tế trong nước hiện nay, định hướng phát triển Công ty sau khi cổ phần hóa, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

Bảng 16: Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh của công ty giai đoạn 2016 - 2020

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----|---------------------------|---------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 503,1 | 503,1 | 503,1 | 503,1 | 503,1 |
| 2 | Doanh thu bán hàng | Tỷ đồng | 2.866,0 | 3.095,0 | 3.347,8 | 3.625,5 | 3.931,0 |
| 3 | Chi phí | Tỷ đồng | 2.843,0 | 3.070,0 | 3.317,0 | 3.564,0 | 3.849,0 |
| | Tỷ lệ chi phí/ doanh thu | % | 99,20% | 99,19% | 99,08% | 98,30% | 97,91% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 23,0 | 25,0 | 30,8 | 61,5 | 82,0 |
| | - Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 18,40 | 20,00 | 24,64 | 49,20 | 65,60 |
| | - Tỷ lệ trích lập các quỹ | % | 13 | 13 | 13 | 13 | 13 |
| | Quỹ đầu tư phát triển | % | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| | Quỹ khen thưởng phúc lợi | % | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| | Quỹ dự phòng tài chính | % | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| | Quỹ thưởng ban điều hành | % | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| | - Tổng số tiền trích quỹ | Tỷ đồng | 2,39 | 2,60 | 3,20 | 6,40 | 8,53 |
| | Quỹ đầu tư phát triển | | 0,92 | 1,00 | 1,23 | 2,46 | 3,28 |

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 |
|----------|---|------------|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|
| | - Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 0,92 | 1,00 | 1,23 | 2,46 | 3,28 |
| | Quỹ dự phòng tài chính | | 0,37 | 0,40 | 0,49 | 0,98 | 1,31 |
| | Quỹ thưởng ban điều hành | | 0,18 | 0,20 | 0,25 | 0,49 | 0,66 |
| | - Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ | Tỷ đồng | 16,01 | 17,40 | 21,44 | 42,80 | 57,07 |
| | - Lợi nhuận chia cổ tức | Tỷ đồng | 15,60 | 17,11 | 21,13 | 40,25 | 50,31 |
| | - Lợi nhuận còn lại | | 0,41 | 0,29 | 0,31 | 2,56 | 6,76 |
| 5 | Tổng số lao động | Người | 2.500 | 2.470 | 2.370 | 2.270 | 2.170 |
| 6 | Thu nhập bình quân/người/tháng | Triệu đồng | 8,104 | 8,914 | 9,806 | 10,786 | 11,865 |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu | % | 0,80 | 0,81 | 0,92 | 1,70 | 2,09 |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ | % | 4,57 | 4,97 | 6,12 | 12,22 | 16,30 |
| 9 | Tỷ lệ cổ tức | % | 3,1 | 3,4 | 4,2 | 8,0 | 10,0 |

Nguồn: Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo Quyết định số 3885/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông Vận tải

4. Các giải pháp thực hiện

❖ **Nhóm giải pháp về thị trường:** Các biện pháp đôn bẩy để nâng cao thị phần vận tải theo mức độ quan trọng trong mối tương quan giữa các biện pháp, mà không tách riêng từng ưu tiên, cụ thể:

- Tăng cường đầu tư cho cơ sở vật chất trong đó có cả việc đề xuất các cơ quan có thẩm quyền nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng mạng đường sắt, giải quyết các điểm nghẽn thắt cổ chai trong vận tải, đặc biệt là khu đoạn Nha Trang - Sài gòn thuộc phạm vi của công ty, nâng cao tốc độ và năng lực thông qua. Đồng thời công ty tập trung nguồn lực để đầu tư nâng cao chất lượng, thay mới đầu máy toa xe và các phương tiện thiết bị phục vụ vận tải. Đây là biện pháp chiếm thứ hạng cao nhất để nâng cao thị phần vận tải.

- Chú trọng vào công tác điều tra, nghiên cứu, phân tích thị trường, nắm bắt nhu cầu của khách hàng, tìm ra những phân khúc, những luồng tuyến, những mặt hàng đường sắt có ưu thế và cạnh tranh để hướng tập trung công tác vận chuyển vào đó.

- Nâng cao hiệu quả và hoạt động kinh doanh: đây là biện pháp quan trọng thứ hai, trong đó ưu tiên nâng cao hoạt động hướng về khách hàng, đưa ra các sản phẩm vận tải tốt nhất và có giá thành cạnh tranh. Đơn giản hóa bộ máy, tối ưu hóa các tác nghiệp để giảm chi phí vận doanh. Lấy sự hài lòng của khách hàng làm mục tiêu quan trọng. Tăng cường hiệu quả kinh doanh tạo điều kiện giảm chi phí, có điều kiện xây dựng giá cước giá vé cạnh tranh, tạo ra nhiều sáng kiến đổi mới dịch vụ, thu hút khách hàng mới.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- Đổi mới công nghệ cung ứng: Mang lại hệ thống cung ứng dịch vụ với công nghệ tiên tiến, các trang thiết bị phương tiện mới hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng dịch vụ.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của công ty bằng nhiều hình thức, qua nhiều kênh để tăng cường sự ủng hộ và niềm tin của nhân dân đối với vận tải đường sắt nói chung và công ty nói riêng.

- Tăng cường sự liên thông, phối hợp với các đơn vị vận tải, thống nhất các tiêu chuẩn, định mức vận tải để tạo sự thuận lợi cho quá trình vận chuyển.

❖ **Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp:** Công ty bắt đầu chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, đòi hỏi những biện pháp quyết liệt để thay đổi phương thức quản trị doanh nghiệp, bao gồm:

- Đẩy mạnh tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp tập trung vào việc hoàn thiện bộ máy của công ty; đổi mới, hoàn thiện hệ thống cơ chế, quy chế quản lý nội bộ của công ty, phát triển nguồn nhân lực, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin để nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác quản lý tạo động lực phát triển và phù hợp với mô hình tổ chức khi chuyển sang công ty cổ phần.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính đảm bảo phục vụ khách hàng nhanh nhất, thuận tiện nhất. Rà soát, lược bỏ những quy trình tổ chức sản xuất lạc hậu, đẩy mạnh áp dụng các công nghệ tiên tiến vào quy trình tổ chức sản xuất, giảm tối đa các cấp quản lý trung gian.

- Tăng cường thực hiện vai trò của công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu. Đẩy mạnh chức năng nghiên cứu chiến lược phát triển, đổi mới tổ chức, quản lý, công nghệ, đầu tư phương tiện thiết bị, khai thác các chân hàng luồng hàng lớn.

- Xây dựng cơ chế quy chế phân cấp, phối hợp giữa công ty với các đơn vị thành viên, giữa các đơn vị thành viên với nhau nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh với các phương tiện vận tải khác, tổng hợp được sức mạnh các nguồn lực của công ty theo hướng phân cấp xuống các đơn vị, việc gì đơn vị làm tốt hơn, thuận lợi hơn cho sản xuất kinh doanh, cho phục vụ khách hàng thì giao cho đơn vị thực hiện để Công ty tập trung vào đưa ra chủ trương, phương án phát triển SXKD, những vấn đề chung của công ty, công tác tổng hợp và kiểm tra giám sát. Không làm thay cho đơn vị những công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của bên dưới. Tập trung nghiên cứu, hệ thống hóa các quy định pháp luật, nghị quyết, các văn bản chỉ đạo, Điều lệ Công ty v.v... để nâng cao chất lượng điều hành.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật, của công ty; kịp thời chấn chỉnh các sai phạm; có giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chú trọng kiểm soát công tác chi, rủi ro về tài chính để kịp thời có biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro và điều chỉnh hoạt động của các đơn vị kịp thời.

- Ưu tiên phát triển ứng dụng công nghệ thông tin vào các mặt quản lý của Công ty, bao gồm:

- + Phát triển thương mại điện tử trong giao dịch ký kết với dịch vụ với khách hàng. Trong đó tập trung thực hiện hoàn thiện hệ thống bán vé điện tử (Rail-ETicket), tham gia xây dựng và quá trình hoàn thiện việc áp dụng hóa đơn

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

điện tử trong kinh doanh vận tải hành khách. Đáp ứng nhu cầu quản lý, sản xuất linh hoạt. Phát triển hệ thống giao dịch, quản lý, điều hành vận tải hàng hóa, hành lý, quản lý trạng thái và điều hành vận dụng phương tiện vận tải.

- + Phát triển các ứng dụng phục vụ công tác kiểm đếm thống kê sản phẩm tác nghiệp.
- + Đối với hoạt động điều hành sản xuất, hoàn thiện công tác quản lý công văn, phát triển việc ứng dụng thư viện tài liệu, thư viện dữ liệu, phân quyền, chia sẻ giữa các bộ phận nghiệp vụ liên quan từ Công ty đến các Chi nhánh, Trạm, đội tổ sản xuất.
- + Phát triển một số ứng dụng phục vụ quản lý, sản xuất trên các thiết bị di động, xây dựng các hệ thống thu thập dữ liệu, quản lý từ xa, đẩy mạnh việc quản lý phương tiện, thiết bị như thiết bị giám sát hành trình, thiết bị quản lý vận dụng toa xe hàng...

❖ **Nhóm giải pháp về vận tải:** Trong kinh doanh vận tải, cần tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

- Xây dựng phương án tổ chức sản xuất kinh doanh vận tải, cơ chế quản lý phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, đổi mới quản trị doanh nghiệp; tăng hiệu quả, năng suất lao động; rà soát cơ cấu tổ chức của các phòng nghiệp vụ, các đầu mối kinh doanh đảm bảo hiệu quả không chồng chéo, vận hành nhịp nhàng linh hoạt và tiếp cận với thị trường một cách nhanh nhất.

- Tập trung nguồn lực tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng dịch vụ vận tải thông qua: đa dạng hóa loại hình dịch vụ; cải tạo nhà ga, kho bãi hàng; đầu tư phương tiện xếp dỡ, phương tiện vận chuyển, đặc biệt toa xe khách chất lượng cao; nâng cao chất lượng đầu máy, toa xe đưa ra vận dụng; chấn chỉnh và đổi mới cách thức phục vụ trên tàu dưới ga; đẩy mạnh việc áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý, khai thác vận tải, cung cấp đầy đủ chính xác thông tin cho hành khách đi tàu, vị trí toa xe của chủ hàng; xây dựng chương trình quản lý toa xe hàng, đăng ký toa xe xếp hàng qua mạng và thực hiện vận đơn điện tử... nhằm tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành, phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Điều hành vận tải, Công ty vận tải Hà Nội để nâng cao tỷ lệ tàu khách đi đến đúng giờ, nhất là tàu khách khu đoạn để giữ thương hiệu Công ty; đảm bảo luồng xe phục vụ nhu cầu xếp hàng. Triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự trên tàu, dưới ga; giữ vững an ninh chính trị, an toàn tuyệt đối trong địa bàn quản lý của Công ty.

- Tăng cường công tác tiếp thị thu hút khách hàng để nâng cao thị phần vận tải; chủ động xây dựng giá cước linh hoạt, theo mùa, theo luồng hàng, theo tuyến, phù hợp với yêu cầu của chủ hàng và tình hình thực tế; coi trọng công tác dỡ hàng, kiên quyết không để xảy ra tình trạng đọng dỡ; phối hợp chặt chẽ với khách hàng để tổ chức xây dựng, ký kết hợp đồng trách nhiệm và triển khai chạy tàu chuyên tuyến với khách hàng trên nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, đảm bảo an toàn, đúng giờ, nâng cao chất lượng phục vụ, khai thác có hiệu quả phương tiện của Đường sắt và của khách hàng. Chống xếp hàng bội tải toa xe, chống gian lận thương mại và cước phí vận chuyển Đường sắt.

- Thường xuyên nghiên cứu cập nhật giá thị trường, giá của các phương tiện vận tải khác trên cơ sở chi phí giá thành vận tải hàng hóa để ban hành giá cước linh hoạt theo loại toa xe, tuyến đường, ga đi, ga đến để có doanh thu cao nhất, tăng hiệu quả kinh doanh vận tải hàng hóa. Thay đổi tư duy đọi khách hàng đến ga để thương thảo hợp đồng

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

bằng tích cực tiếp cận, thu hút khách hàng tại các chân hàng; phát triển dịch vụ logistic, tạo thêm các sản phẩm dịch vụ vận tải hàng hóa mới, phát triển các dịch vụ vận chuyển hàng hóa trọn gói có giá trị gia tăng cao.

- Tổ chức chạy tàu khách hợp lý, khai thác lợi thế tại các ga mà các phương tiện vận tải khác khó tiếp cận; áp dụng chính sách giá vé linh hoạt với từng tuyến đường, đoàn tàu và từng thời điểm trong năm, thời gian bán vé trước để nâng cao hiệu suất sử dụng chỗ, giảm giá thành vận tải hành khách.

- Tiếp tục đổi mới công tác bán vé; xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các phương án bán vé phù hợp với luồng hành khách, sử dụng và khai thác hiệu quả hệ thống bán vé điện tử mới xây dựng; hoàn thiện và tổ chức lại hệ thống bán vé từ ga cho tới các đại lý phù hợp với công nghệ mới, tiếp tục đa dạng hóa các hình thức bán vé như qua điện thoại, giao vé tận nhà; đưa ra nhiều phương án bán vé mới như tăng thời gian bán trước, giảm giá hoặc đưa ra các hình thức khuyến mại, tăng cường hợp tác với các công ty du lịch để trở thành đối tác thường xuyên lâu dài.

- Đẩy mạnh công tác quảng bá, tiếp thị; thực hiện các chính sách khuyến khích hành khách đi tàu trong thời gian thấp điểm, chiều vắng khách đi đôi với thực hiện tốt chương trình nâng cao chất lượng phục vụ, tăng phần dịch vụ gia tăng để thu hút hành khách; tăng cường công tác kiểm tra vận tải, có những biện pháp đồng bộ để đi đến chấm dứt tình trạng bao khách, bao hàng. Duy trì và nâng cao chất lượng các đôi tàu Công ty quản lý, đồng thời tiếp tục nghiên cứu cho ra đời thêm các sản phẩm mới nhằm thực hiện mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm vận tải.

- Quan tâm phát triển mạnh dịch vụ bán hàng, chăm sóc khách hàng sau bán hàng. Tổ chức bộ phận chăm sóc khách hàng ở các đơn vị và phát huy tốt trong phục vụ hành khách, chủ hàng. Ưu tiên và đặt trọng tâm vào việc tìm mọi biện pháp để giữ vững và tăng trưởng luồng hàng, luồng khách (đặc biệt là khách đi tàu Thống nhất) tại các đơn vị trực thuộc Công ty.

- ❖ Công tác phát triển các dịch vụ hỗ trợ vận tải phải được quan tâm phát triển tương xứng với tiềm năng và đúng với vị trí của nó để bổ trợ, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh chính, tạo bước đột phá trong việc tăng trưởng của Công ty trong giai đoạn 2015-2020, tập trung vào các biện pháp:

- Xây dựng và đưa ra cung cấp các dịch vụ khép kín, hoàn chỉnh cho một nhu cầu vận chuyển của khách hàng.

- Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, tạo thêm nhiều sản phẩm chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu thị trường, có khả năng cạnh tranh cao như các dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, bán hàng tại ga, trên tàu; các dịch vụ trong công tác bán vé; các dịch vụ như xếp dỡ, trông coi bảo quản, giao nhận trong vận chuyển hàng hóa, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Khai thác có hiệu quả quỹ nhà, quỹ đất, cơ sở hạ tầng của hiện có của Công ty để cung cấp các dịch vụ như nhà hàng, khách sạn phục vụ hành khách. Liên kết với các Công ty du lịch để tham gia cung ứng những sản phẩm thuộc thế mạnh của đường sắt trong chuỗi sản phẩm du lịch.

- ❖ **Nhóm giải pháp về đầu tư:**

- Công ty cần xây dựng chiến lược và kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020 để đáp ứng nhu cầu vận tải và phù hợp với quy mô, năng lực tài chính, trong đó sẽ phân kỳ và

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

đưa ra lộ trình đầu tư phù hợp, xác định những dự án ưu tiên đầu tư và tính hiệu quả của dự án.

- Tập trung vốn và nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ để thực hiện các dự án đang thực hiện, các dự án đã được xác định và đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư. Thay thế dàn phương tiện toa xe đã cũ kỹ lạc hậu.

- Tập trung đầu tư có trọng điểm các cơ sở công nghiệp do Công ty quản lý để có thể đảm đương đóng mới sửa chữa toa xe, kể cả toa xe đường sắt đô thị. Mở rộng liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để chế tạo sản phẩm cơ khí đường sắt, cơ khí khác phục vụ nhu cầu trong và ngoài ngành.

- Xây dựng cơ chế và kế hoạch huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, đa dạng hóa các nguồn vốn cho đầu tư bao gồm vốn khấu hao tài sản cố định, vốn đầu tư phát triển, vốn vay, vốn liên doanh liên kết để có đủ nguồn vốn thực hiện kế hoạch.

- Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, vật liệu mới trong sửa chữa và đóng mới phương tiện thiết bị. Đầu tư các máy móc thiết bị mới để nâng cao năng lực sản xuất và đưa ra các sản phẩm chất lượng cao, đặc biệt là cho công nghệ sửa chữa đóng mới toa xe.

- Nghiên cứu xây dựng đề án để đầu tư vào các công trình kho bãi hàng theo hình thức BOT, PPP để chủ động trong sản xuất kinh doanh vận tải.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thu hút các nguồn vốn đầu tư cho kinh doanh vận tải.

❖ Nhóm giải pháp về tài chính:

- Áp dụng những thành tựu khoa học trong công nghệ thông tin đưa vào công tác quản trị tài chính kế toán giúp Công ty quản lý chặt chẽ, sâu sát, nhanh chóng, chính xác, hao tốn ít công sức lao động.

- Cập nhật thường xuyên các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD của đơn vị. Rà soát những văn bản, quy định Công ty đã ban hành trước đây để hiệu chỉnh, xây dựng các quy chế, quy định phù hợp với thực tiễn.

- Tăng cường công tác kiểm tra để phát hiện các khoản chi phí bất hợp lý, ngăn chặn, phòng chống tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời có những giải pháp thích ứng cho từng thời kỳ. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng chế độ, chính sách tài chính, kế toán.

- Quản lý chặt chẽ công tác thanh quyết toán chi phí tại đơn vị trực thuộc, các dự án đầu tư, thực hiện đúng theo các mẫu biểu quy định của nhà nước. Ban hành quy định xử lý, phạt hành chính khi sai sót những điểm đã được nhắc nhở.

- Thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu của các quy định pháp luật, yêu cầu của ngành và của Công ty. Xây dựng các định mức chi phí sát với thực tế làm cơ sở để quản lý chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận hàng năm, phát huy lợi thế của vận chuyển đường sắt “An toàn, chở nặng, đi xa”.

- Tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác quản trị doanh nghiệp, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện tham mưu cho lãnh đạo nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành, xử lý kịp thời hiệu quả. Đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, nhanh, chính

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

xác giữa phân tích tài chính và ra quyết định.

- Tìm kiếm nguồn vốn tài trợ phù hợp, cơ cấu vốn hợp lý và tăng cường sử dụng vốn có hiệu quả. Khai thác các nguồn vốn một cách hợp lý, không lãng phí nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn. Sử dụng các loại vốn kinh doanh từ hoạt động liên danh, liên kết, vốn vay, quỹ khoa học công nghệ, sử dụng vốn bằng tiền nhân rồi để sinh lợi.

❖ Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

- Quan tâm đến công tác đào tạo nguồn nhân lực cho Cán bộ công nhân viên trong Công ty về trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, chú trọng đến công tác đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu tăng năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh để phát triển; Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực tại chỗ.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ tiên tiến; rà soát lược bỏ những quy trình, tổ chức sản xuất lạc hậu, áp dụng các định mức lao động tiên tiến và có chế độ ưu đãi để tuyển dụng, thu hút nhân lực chất lượng cao từ đó làm cơ sở sắp xếp, tinh giảm định biên lao động, trọng tâm là giảm bộ máy gián tiếp từ cơ quan công ty tới tất cả các đơn vị.

- Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi đối với người lao động; thực hiện chính sách ưu tiên bổ nhiệm, sử dụng, đãi ngộ cán bộ giỏi có năng lực, công nhân có tay nghề cao để duy trì nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài.

- Xây dựng chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng tiên tiến, đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng công việc nhằm tạo động lực cho người lao động phát huy hết khả năng trong công việc.

- Xây dựng chính sách tuyển dụng công khai, công bằng tại mọi thời điểm và với mọi ứng viên. Mục tiêu là thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tiêu chí tuyển dụng dựa trên tố chất, trình độ, tiềm năng và thiện chí làm việc.

VI. MỘT SỐ NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

- Cũng như các doanh nghiệp khác hoạt động sản xuất trong ngành, sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của Công ty.

- Những năm gần đây, sự biến động bất thường của nền kinh tế thế giới đặc biệt là cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam cũng ở trong vòng xoáy khủng hoảng đó và phải đối mặt với hàng loạt khó khăn như lạm phát tăng cao, tình hình thị trường tài chính và tiền tệ đều có những diễn biến không thuận lợi... thì hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

- Tuy nhiên, sau những nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ, như: ưu tiên kiềm chế lạm phát, giảm lãi suất cơ bản, tại thời điểm kết thúc năm 2015, sang năm 2016 là thời điểm Công ty đi vào hoạt động với mô hình Công ty cổ phần sẽ hứa hẹn nhiều cơ hội ổn định hoạt động và thích nghi với nền kinh tế nhiều cạnh tranh.

2. Rủi ro về luật pháp

- Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong hệ thống văn bản pháp quy nói chung.

- Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

3. Rủi ro về đặc thù kinh doanh

Công ty có thể gặp phải những rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh như sau:

Rủi ro về giá bán sản phẩm: Do là doanh nghiệp đặc thù, giá bán do Nhà nước quản lý (cước vận chuyển hành khách loại ghế ngồi cứng). Khi các yếu tố đầu vào thay đổi lớn nhưng Nhà nước không cho điều chỉnh giá bán sẽ dẫn tới rủi ro trong kinh doanh, hiệu quả, tích lũy để tái đầu tư....

Rủi ro về cạnh tranh: Tính đến thời điểm hiện tại, vì Công ty là doanh nghiệp duy nhất hoạt động trong ngành vận tải đường sắt tại khu vực miền Nam nên rủi ro về cạnh tranh trong ngành vận tải đường sắt đối với Công ty không nhiều. Tuy nhiên, đối với sức ép cạnh tranh đến từ các doanh nghiệp cùng kinh doanh lĩnh vực vận tải hàng hóa và vận tải hành khách như các công ty, xí nghiệp vận tải đường bộ (ô tô) và đường hàng không (máy bay).

4. Rủi ro của đợt chào bán

Thực trạng đang diễn ra trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay cũng như tâm lý của các nhà đầu tư chưa thật sự ổn định. Phần đông các nhà đầu tư đang chờ đợi những động thái tích cực hơn của Chính phủ cũng như những dấu hiệu lạc quan hơn từ nền kinh tế, dẫn đến tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường giao dịch chứng khoán không tập trung (OTC) chưa thực sự sôi động.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Bên cạnh đó, Chính phủ có chủ trương thoái toàn bộ vốn nhà nước mà Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đang nắm giữ tại 10 doanh nghiệp lớn, đang hoạt động kinh doanh hiệu quả (Vinamilk, FPT, Nhựa Bình Minh...) sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư.

Do Công ty hoạt động khá đặc thù, các nhà đầu tư chưa có nhiều thông tin, chưa nắm rõ khả năng kinh doanh và mức độ phát triển của Công ty nên việc bán cổ phần cho nhà đầu tư có thể gặp khó khăn.

Chính vì những lý do trên, quyết định chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty vào thời điểm này có thể sẽ gặp một số khó khăn và bất lợi nhất định. Đây là thời điểm khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam, rất nhiều cổ phiếu tại các sàn giao dịch chứng khoán đang có giá trị thấp vẫn không thu hút được nhà đầu tư, việc đấu giá cổ phiếu của doanh nghiệp cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn do tình hình chung này.

5. Rủi ro khác

- Nợ phải thu khó đòi, dẫn đến thiếu vốn hoạt động, thiếu nguồn đầu tư để triển khai các dự án mới.
- Tiền thuê đất, thuế đất nếu không được giữ mức như hiện nay, cũng ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả sản xuất.
- Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng rất lớn bởi một số rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, bão lụt, ...

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN**1. Phương thức bán cổ phần****Bảng 21:** Cơ cấu cổ đông và số lượng cổ phần chào bán

| TT | Cổ đông | Số lượng cổ phần | Phương thức chào bán |
|-----------|--------------------------------------|-------------------------|--|
| 1 | Cán bộ công nhân viên | 5.703.400 | Theo quy định tại Điều 48 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần. |
| 2 | Nhà đầu tư chiến lược | 7.210.000 | Theo quy định tại Điều 39 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần. |
| 3 | Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá | 7.210.600 | Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh |
| | TỔNG CỘNG | 20.124.000 | |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn

Căn cứ Quyết định số 3885/QĐ-BGTVT ngày 12/08/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn, thông tin về bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược như sau:

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư là cổ đông chiến lược:

- Ưu tiên các nhà đầu tư có chân hàng lớn, có nguồn và nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách; Có năng lực về tài chính, quản trị doanh nghiệp, công nghệ.
- Có thời gian hoạt động từ 03 đến 05 năm trở lên (tùy theo lĩnh vực hoạt động).
- Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với công ty cổ phần, hỗ trợ công ty cổ phần trong một hoặc một số lĩnh vực quy định nêu trên; Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Không thực hiện các giao dịch nào với công ty cổ phần dẫn đến xung đột lợi ích và tạo ra sự độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, nhà đầu tư khác của công ty cổ phần.
- Riêng nhà đầu tư tài chính ngoài các điều kiện nêu trên phải có thêm các điều kiện để khẳng định năng lực tài chính (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đến 31/12/2014) như sau:
 - Có tổng tài sản tối thiểu 500 tỷ đồng;
 - Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng;
 - Có lợi nhuận sau thuế dương trong ba năm liên tiếp (năm 2012-2014) và không có nợ xấu.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- Số lượng nhà đầu tư: tối đa 03 nhà đầu tư.

Dự kiến số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là **7.210.000** cổ phần với tổng mệnh giá là **72.100.000.000** đồng, chiếm **14,33%** vốn điều lệ.

Phương thức thực hiện: bán thỏa thuận trực tiếp sau khi thực hiện đấu giá công khai. Trường hợp có hơn 1 nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần và số lượng cổ phần đăng ký mua lớn hơn số lượng cổ phần chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược thì phải đấu giá giữa các nhà đầu tư.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với nhà đầu tư mua cổ phần thông qua đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) ban hành.

- Đối với cán bộ công nhân viên và nhà đầu tư chiến lược: Theo thông báo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa sau khi xác định được giá đấu thành công thấp nhất của đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA**1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần****Bảng 22:** Số tiền thu được tạm tính theo giá khởi điểm từ đợt phát hành cổ phần

Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục | Số cổ phần | Giá trị |
|---|-------------------|------------------------|
| - Tiền thu từ bán ưu đãi cho người lao động ⁸ | 3.195.750 | 19.174.500.000 |
| - Tiền thu từ bán ưu đãi cho người lao động mua thêm ⁹ | 2.507.650 | 25.076.500.000 |
| - Tiền thu từ bán cho nhà đầu tư chiến lược ¹⁰ | 7.210.000 | 72.100.000.000 |
| - Tiền thu từ Nhà đầu tư trong nước khác | 7.210.600 | 72.106.000.000 |
| Tiền thu từ bán cổ phần tạm tính theo giá khởi điểm | 20.124.000 | 188.457.000.000 |

*Nguồn: VietinBankSc tính toán***2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành**

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

IX. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT

Công ty sẽ triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu sau khi hoàn tất cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP về việc cổ phần hóa đồng thời niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) khi đủ điều kiện.

⁸ Tạm tính theo 60% giá khởi điểm: 6.000 đồng/cổ phần.

⁹ Tạm tính theo giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần.

¹⁰ Tạm tính theo giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần.

PHẦN II: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

X. THAY LỜI KẾT

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược và bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn, được Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam soạn thảo một cách trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các số liệu từ phía Công ty cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư đánh giá đúng tình hình doanh nghiệp để có dự định đầu tư một cách khách quan, chính xác.

Hy vọng các nhà đầu tư có quan tâm nên tham khảo kỹ Bản thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

Trân trọng cảm ơn Quý nhà đầu tư đã quan tâm!

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2015

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CPH
CÔNG TY VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN,
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TCT ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**



Trần Ngọc Thành

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Sơn

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
NH CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



Nguyễn Minh Trí